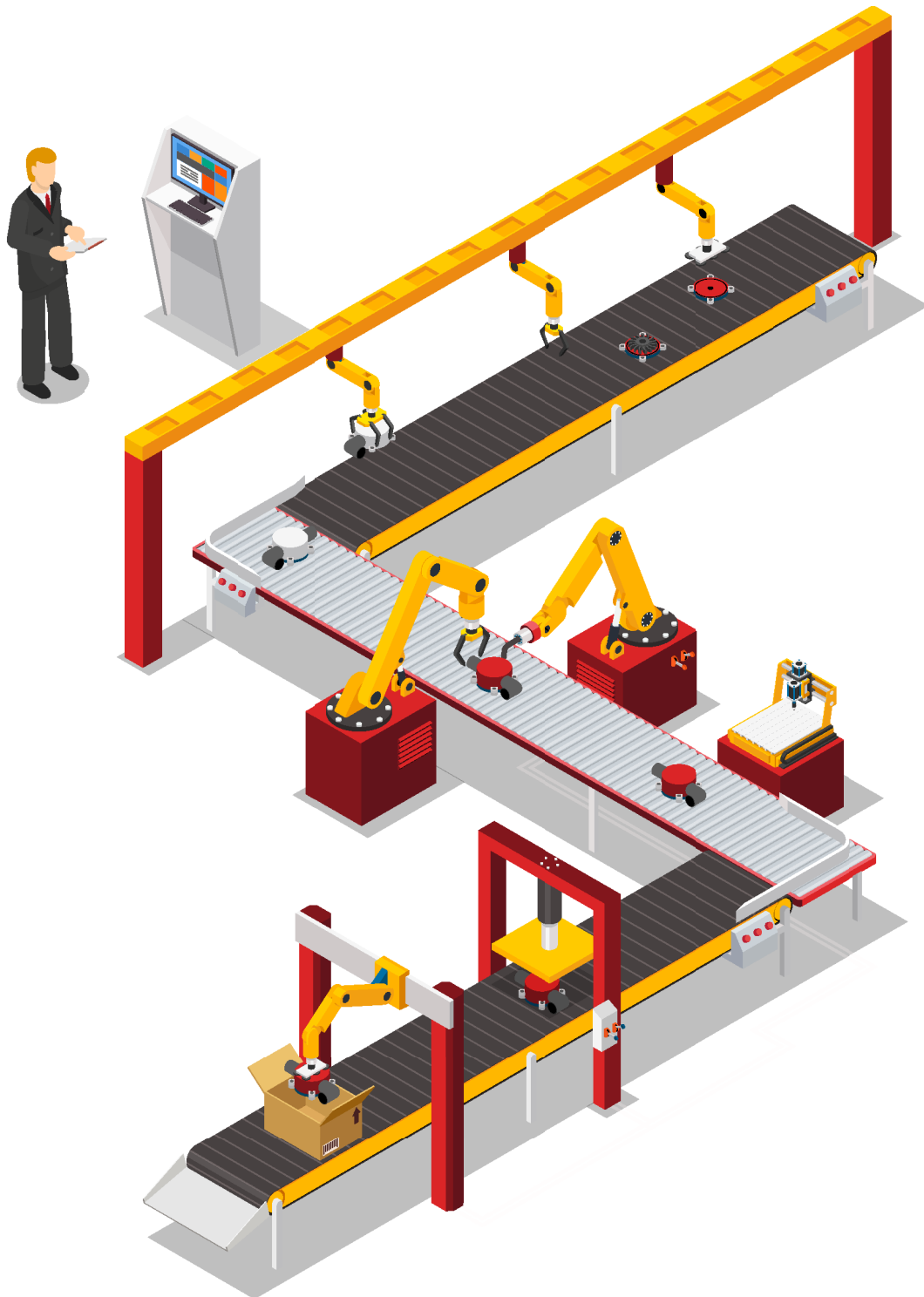




CÔNG TY CỔ PHẦN  
CAO SU BẾN THÀNH

# BỀN BỈ - DẪN ĐẦU



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

# MỤC LỤC

## THÔNG TIN CHUNG

### 1

Thông tin chung	6
Quá trình hình thành và phát triển	8
Các giải thưởng tiêu biểu	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	18
Định hướng phát triển	20
Các rủi ro	22

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 3

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	58
Tình hình tài chính	62
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	64
Kế hoạch phát triển trong tương lai	66

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 5

Hội đồng quản trị	78
Ban Kiểm soát	84
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	86

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 2

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	28
Tình hình đầu tư	30
Tổ chức và nhân sự	31
Tình hình tài chính	42
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	46
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	50

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 4

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	72
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành	74
Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	75

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 6

Báo cáo tài chính kiểm toán	92
-----------------------------	----

# DANH MỤC VIẾT TẮT

## Từ viết tắt

## Chú thích

<b>ANRPC</b>	Hiệp hội các quốc gia sản xuất cao su thiên nhiên
<b>ASEAN</b>	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
<b>BERUBCO</b>	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
<b>BHLĐ</b>	Bảo hộ lao động
<b>BKS</b>	Ban Kiểm soát
<b>BTGD</b>	Ban Tổng Giám đốc
<b>CBCNV</b>	Cán bộ công nhân viên
<b>CN</b>	Cá nhân
<b>CP</b>	Cổ phiếu
<b>CPTPP</b>	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
<b>CSI</b>	Doanh nghiệp bền vững
<b>CTCP</b>	Công ty cổ phần
<b>ĐD</b>	Đại diện
<b>ĐHĐCĐ</b>	ĐHĐCĐ
<b>ĐTV</b>	Đơn vị tính
<b>EVFTA</b>	Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam
<b>GDP</b>	Tổng sản phẩm quốc nội
<b>HCM</b>	Hồ Chí Minh
<b>HĐQT</b>	Hội đồng quản trị
<b>HĐSXKD</b>	Hoạt động sản xuất kinh doanh
<b>KH</b>	Kế hoạch
<b>LNST</b>	Lợi nhuận sau thuế
<b>MTV</b>	Một thành viên
<b>PCCC</b>	Phòng cháy chữa cháy
<b>QCVN</b>	Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam
<b>SXKD</b>	Sản xuất kinh doanh
<b>TCT</b>	Tổng Công ty
<b>TH</b>	Thực hiện
<b>TNHH</b>	Trách nhiệm hữu hạn
<b>TSC</b>	Tổng hàm lượng chất rắn
<b>UBCK</b>	Ủy ban Chứng khoán
<b>USD</b>	Đồng đô la Mỹ
<b>VAT</b>	Thuế giá trị gia tăng
<b>VĐL</b>	Vốn điều lệ
<b>VND</b>	Việt Nam Đồng
<b>VSCN</b>	Vệ sinh công nghiệp

# BỀN BỈ - DẪN ĐẦU



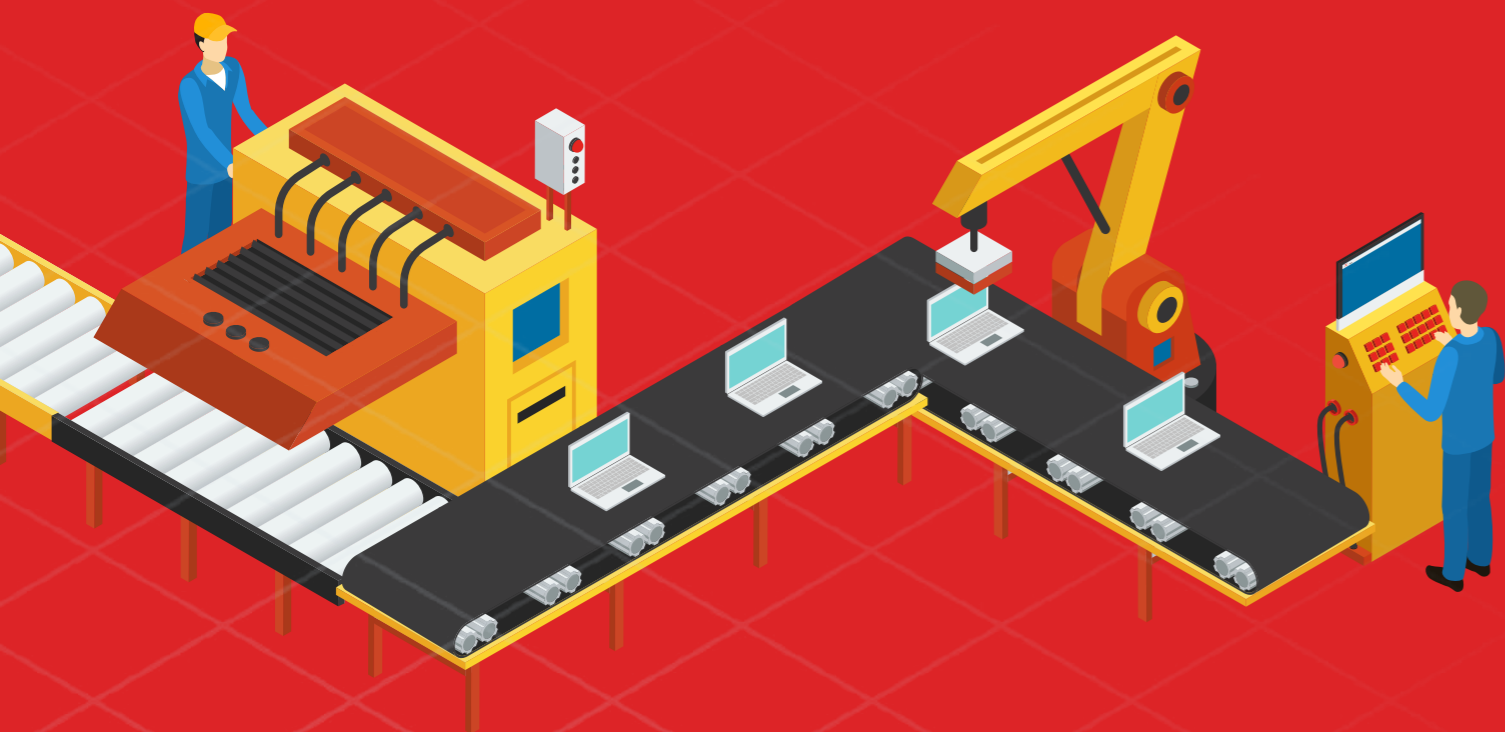
## THÔNG TIN CHUNG

- 08 Thông tin chung
- 06 Quá trình hình thành và phát triển
- 10 Các giải thưởng nổi bật
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 18 Mô hình quản trị, bộ máy quản lý
- 20 Định hướng phát triển
- 22 Các rủi ro

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Tên Tiếng Anh	:	BEN THANH RUBBER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	BERUB JSC
Mã cổ phiếu	:	BRC
Sàn niêm yết	:	HOSE
Giấy CNĐKDN số	:	0301150295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08/09/2022.
Vốn điều lệ	:	123.749.970.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	:	123.749.970.000 đồng
Website	:	<a href="http://www.berubco.com.vn">www.berubco.com.vn</a>
Trụ sở chính	:	Lô B 3-1 Khu CN Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải (D3), Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại	:	(028) 3790 7619
Số fax	:	(028) 37907461
Website	:	<a href="http://www.berubco.com.vn">www.berubco.com.vn</a>



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

## KHỞI ĐẦU

- 1976: Tiền thân là Xí nghiệp Cao su Giải Phóng, trực thuộc Sở Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, trụ sở chính ở nội thành quận 11.
- 1994: Đổi tên thành Công ty Cao su Bến Thành, trực thuộc Sở Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

1976 - 1994

1998 - 2007

## CHUYỂN MÌNH

- 1998: Công ty dời về khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi rộng 2 hecta và đầu tư mới thiết bị sản xuất hiện đại.
- 2007: Công ty hoàn tất thủ tục cổ phần hóa và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (BERUBCO) trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn.

## TĂNG TRƯỞNG

- 2008: Tăng vốn điều lệ lần thứ 1 từ 40 tỷ đồng lên 75 tỷ đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên và đối tác chiến lược.
- 2010: Tăng vốn điều lệ lần thứ 2 từ 75 tỷ đồng lên 82,5 tỷ đồng theo hình thức phát cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- 2011: Cổ phiếu của BERUBCO được niêm yết trên sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán BRC.
- 2013: Tăng vốn điều lệ lần 3 từ 82,5 tỷ đồng lên 123,75 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2008 - 2013

2015 - Nay

## ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 2015: Tập trung hoàn thiện nhà máy băng tải lõi thép và chính thức đưa vào sử dụng.
- 2018: Đầu tư và sản xuất thử nghiệm dự án Bánh xích cao su.
- 2020: Công ty đã hoàn thành và vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, đặc biệt là mặt hàng cao su kỹ thuật có sản lượng tiêu thụ tăng 121% so với kế hoạch năm 2020.
- 2024: Công ty đang hoạt động với mức vốn điều lệ hơn 123 tỷ đồng, tiếp tục từng bước cải tiến các sản phẩm cao su bằng việc áp dụng công nghệ đặc thù và tiên tiến cho từng dòng sản phẩm.

1976  
2024

## GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

### 2019

- Chứng nhận sản phẩm tiêu biểu
- Giấy chứng nhận là Hội viên liên kết Câu lạc bộ Doanh nghiệp xuất khẩu Thành phố Hồ Chí Minh (VEXA)

### 2020

- Giấy chứng nhận hệ thống Quản lý Chất lượng: ISO 9001:2000.
- Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững
- Doanh nghiệp TP.HCM tiêu biểu
- Sản phẩm Công nghiệp và Công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu

### 2021

- Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững (CSI)
- Chứng nhận thúc đẩy bình đẳng giới tại nơi làm việc
- Sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu TP.HCM
- Top 5 Doanh nghiệp tiên phong bình đẳng giới

### 2022

- Doanh nghiệp tiêu biểu năm 2022
- Sản phẩm Công nghiệp và Công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu năm 2022
- Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS (ISO 17025)
- Đặc biệt, năm 2022 Đơn vị vẫn duy trì đạt thứ hạng cao trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam thuộc phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chứng nhận.

### 2023

- Công ty tiếp tục duy trì trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững (CSI).
- Chứng nhận "Thương hiệu vàng TP.HCM năm 2023".
- Giấy khen thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Dân vận khéo" năm 2023.

### 2024

- Công ty tiếp tục duy trì trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững (CSI).
- Đạt giải bình chọn "Sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh" năm 2024.
- Chứng nhận Doanh nghiệp Đạt chuẩn Công bố thông tin 2024.

## 2024



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất các sản phẩm từ cao su: băng tải, dây courroie, sản phẩm cao su kỹ thuật, cao su nguyên liệu, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp – xe gắn máy.
- Mua bán sản phẩm cao su: băng tải, dây courroie, sản phẩm cao su kỹ thuật, cao su nguyên liệu, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp – xe gắn máy.
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp.

### ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Berubco cung cấp sản phẩm cho thị trường nội địa và xuất khẩu sang các nước như
  1. Mỹ
  2. Mexico
  3. Nhật Bản
  4. Indonesia,...



## CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Được sử dụng trong các ngành công nghiệp nặng, khai thác than đá, nhà máy nhiệt điện, nhà máy gang thép, khai thác mỏ, ...

**Đặc điểm:**

Có khả năng chịu tải trọng cao, độ giãn tải trọng rất thấp, kháng va đập tốt, trong dây chuyền sản xuất dài, tải trọng nặng với tốc độ nhanh.



Băng tải lõi thép thông dụng

Dùng để chuyển tải những sản phẩm có dầu như thức ăn gia súc, phân bón, bã đậu nành và các sản phẩm có dầu khác.

**Đặc điểm:**

Lớp cao su mặt của băng này được làm từ hỗn hợp cao su NBR hoặc CR có tính năng chịu các loại dầu động thực vật và khoáng vật.



Băng tải lõi thép chịu dầu

Được ưu tiên lựa chọn sử dụng ở các chuyền sản xuất nung quặng, than nung, chuyển tải clinker, xi măng, gang thép,... và các dạng vật liệu có nhiệt độ cao khác.

**Đặc điểm:**

Lớp cao su mặt được làm bằng nguyên liệu cao su đặc biệt có khả năng chịu nhiệt độ từ 100°C ~ 200°C, với khả năng kháng mài mòn, nứt gãy, cong vênh do nhiệt.



Băng tải lõi thép chịu nhiệt

Băng tải chuyên dụng trong môi trường chịu lực va đập cao như khai thác mỏ, gỗ, vật liệu tái chế, thép...

**Đặc điểm:**

Có tỷ lệ co giãn thấp, chống ẩm mốc, chống thấm nước tốt,... đảm bảo độ an toàn và chính xác trong quá vận chuyển các vật liệu với tốc độ lớn. Đồng thời, băng tải kháng va đập còn có khả năng chịu trọng tải lớn, chịu mài mòn tốt, độ bền cao.



Băng tải kháng va đập

Dùng để truyền tải các loại hóa chất có tính ăn mòn phá hủy cao như acid mạnh: H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, HCl, ...; kiềm: NaOH và các hoá chất khác như phân bón, Urê, Kali Nitrat, ...

**Đặc điểm:**

Lớp cao su mặt được làm từ hỗn hợp cao su đặc biệt ít bị phá hủy bởi hóa chất, giúp kéo dài tuổi thọ cũng như ngăn không cho các thành phần cao su bị phân tán ra tạo thành tạp chất vào vật liệu cần truyền tải.



Băng tải lõi thép kháng hóa chất

Dùng để chuyển tải các loại nguyên vật liệu dạng bột hoặc hạt như cát, sạn, than mịn hoặc các loại nguyên liệu được đóng trong bao bì chuyển tải trên đoạn đường có độ nghiêng góc.

**Đặc điểm:**

Góc gân và bước gân được thiết kế phù hợp để cho băng tải di chuyển trên các con lăn. Các gân và lớp cao su mặt trên được đúc dính chặt với nhau bằng lưu hóa nóng.



Băng tải gân

Được sử dụng tại các dây chuyền sản xuất ở các nhà máy nung kim loại, nhà máy nhiệt điện, hầm lò ngành khai thác than đá và những ngành công nghiệp khác có nguy cơ phát cháy cao.

**Đặc điểm:**

Lớp cao su mặt và cao su cán tráng được làm bằng nguyên liệu đặc biệt có tính năng kháng bắt lửa đáp ứng tiêu chuẩn ISO, DIN, JIS và RMA.



Băng tải lõi thép kháng lửa

Dùng để chuyển tải các loại nguyên vật liệu hoặc sản phẩm dạng bột dễ bị rơi vãi ra hai bên.

**Đặc điểm:**

Ở hai biên có lớp cao su thẳng đứng dạng tai bèo dùng để chắn không cho nguyên vật liệu hoặc sản phẩm rơi vãi hai bên.



Băng tải tai bèo



## CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Dùng trong làm chân đế, chân máy... với mục đích chống rung, giảm tiếng ồn. Nhà máy sản xuất theo tiêu chuẩn và công nghệ hiện đại đáp ứng tất cả các tính năng từ cơ bản đến kỹ thuật cao theo yêu cầu của khách hàng.

**Đặc điểm:**

Có cấu tạo nhiều lớp lõi vải, khả năng chịu lực cao.



Van bướm được sử dụng rộng rãi trong các hệ thống cấp thoát nước, PCCC và các hệ thống khác.

**Đặc điểm:**

Phốt nước dùng trong van bướm công nghiệp được làm bằng nguyên liệu hoàn toàn EPDM, van có khả năng đàn hồi và ôm chặt với đĩa van tạo độ kín tối đa.



Dùng để chuyển tải hàng đóng bao/ thùng, phụ tùng ô tô và các mặt hàng dễ bị biến dạng và dễ vỡ.

**Đặc điểm:**

Cao su bề mặt được thiết kế hình gân nhám để chuyển tải những mặt hàng dễ bị móp méo và dễ vỡ đi trên đoạn đường nghiêng góc từ 20 ~ 30 độ, có tính năng chịu mài mòn, kháng bắt lửa.



Dây Courroie hình thang được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp cơ khí, máy móc ngành dệt may, ngành ô tô.

**Đặc điểm:**

- Lực kéo đứt cao, độ đàn thấp.
- Chịu uốn và kháng mài mòn tốt.
- Đồng nhất về chiều dài và tiết diện theo cỡ số.



Cao su đệm các loại, cao su chống va đập dùng trong ngành công nghiệp xe hơi, cấp nước cầu đường, xây dựng và các ngành công nghiệp khác. Với nguyên liệu sử dụng: NR, BR, SBR, IR, CR, Viton, Silicone, Neoprene, Nitril, Butyl, EPDM sản xuất theo quy cách và bản vẽ của khách hàng.

**Đặc điểm:**

Các loại gioăng cao su với các tính năng: chịu nhiệt, chịu hóa chất, chịu dầu, chịu đàn hồi, kháng bắt lửa,...



Giúp che chắn hốc bánh xe khỏi bị oxy hóa sau khi tiếp xúc với mưa, cát, bụi và các tác nhân khác, đồng thời ngăn bùn bám vào thân xe gây hư hỏng mất thẩm mỹ.

**Đặc điểm:**

Được lắp đặt gần bánh xe tải là bộ phận có thể che phủ để giúp bùn không bị văng lên thân xe, phương tiện lưu thông khác hoặc kể cả người đi đường.



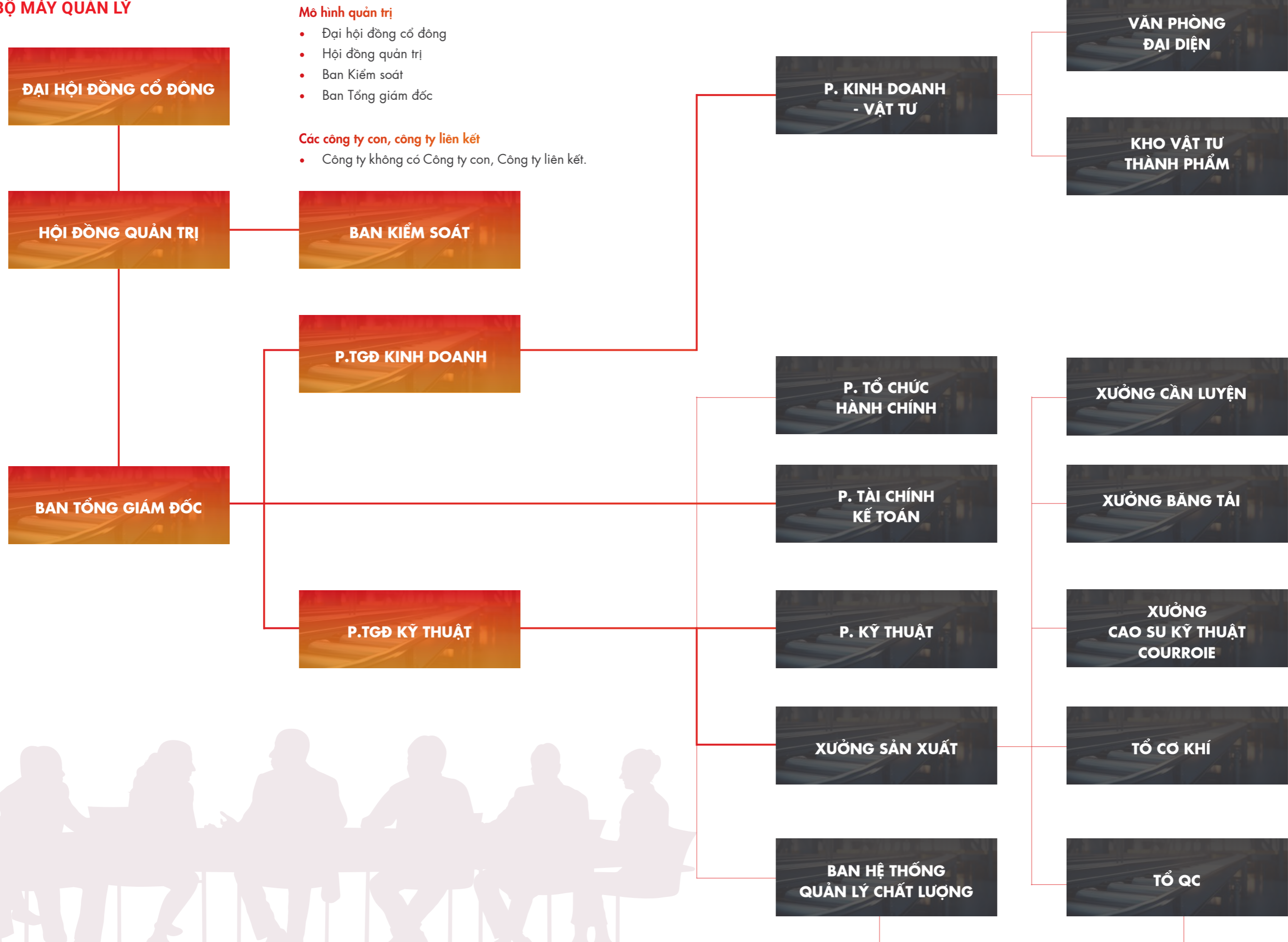
Được ứng dụng rộng rãi ở nhiều loại dòng xe cỡ lớn như máy xúc, máy đào, máy nâng, máy bốc xếp, máy kéo, xe tải, cần cẩu xe, máy móc nông nghiệp, máy kéo, máy khai thác,....

**Đặc điểm:**

Được tạo nên từ hỗn hợp cao su chất lượng được đúc theo khuôn khổ cụ thể, cao su này có đặc tính dẻo dai, chắc chắn, độ bền cao. Thân của bánh xích cao su thiết kế các rãnh gai và các mắt xích cố định để gắn vào bánh xe, giúp xe di chuyển ổn định, không bị vướng vào các gai và mắt xích.



## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



Tiếp tục xây dựng Berubco phát triển bền vững, trở thành nhà sản xuất và cung ứng các sản phẩm băng tải cao su hàng đầu Việt Nam và phát triển ra thị trường quốc tế.

Đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh, tăng năng suất và tạo ra nhiều sản phẩm mới với chất lượng cải tiến và hiệu quả.

Coi con người là yếu tố then chốt, hình thành đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ cao, có trách nhiệm; tác phong chuyên nghiệp, chủ động sáng tạo trong công việc. Xây dựng và phát triển thương hiệu Berubco uy tín, chất lượng.

### MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Tối đa hóa quyền lợi của cổ đông đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty. Đảm bảo cân bằng lợi ích của các bên liên quan khác: khách hàng, cán bộ nhân viên, đối tác;

Công ty hướng đến các mục tiêu vì cộng đồng xã hội để chung tay cùng Nhà nước chăm lo đời sống cho người dân như hỗ trợ cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo, tham gia ủng hộ: thiên tai lũ lụt, thăm hỏi, đóng góp hỗ trợ cho người nghèo trên địa bàn;

Tích cực đóng góp cho Ngân sách nhà nước thông qua việc nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế, tiến hành kê khai và nộp đủ, kịp thời các loại thuế, phí tài nguyên, môi trường và bảo vệ môi trường và sự phát triển chung của địa phương, khu vực.

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

#### GIAI ĐOẠN 2023 – 2025

#### “NÂNG TẦM CÔNG NGHỆ - MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG”

- Xác định nhóm sản phẩm băng tải cao su giữ vai trò chủ đạo, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các sản phẩm phụ trợ như tấm chắn bùn, dây courroie, cao su kỹ thuật... Trong đó, xác định thị trường trong nước là động lực tăng trưởng chính, đặc biệt chú trọng phát triển và gia tăng tỷ trọng nhóm sản phẩm băng tải chiếm tỷ trọng doanh thu lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty.
- Đẩy mạnh công tác đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất theo cả chiều rộng và chiều sâu. Ưu tiên tập trung nguồn lực cho hoạt động xuất khẩu nhằm củng cố năng lực cạnh tranh, nắm bắt cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do như CPTPP và EVFTA. Bên cạnh đó, tiếp tục đầu tư, phát huy tối đa công suất phân phối sản phẩm tại thị trường nội địa.
- Chú trọng công tác quản lý, phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, nâng cao Trình độ chuyên môn, kỹ thuật, từng bước hoàn thiện bộ máy Công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa. Tuyển dụng nhân lực kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm để phục vụ việc đầu tư các sản phẩm mới.

#### GIAI ĐOẠN 2025 – 2030

#### “QUỐC TẾ HÓA - KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU”

- Với tầm nhìn chiến lược và quyết tâm vươn ra thị trường toàn cầu, BERUBCO đặt mục tiêu trở thành nhà sản xuất cao su hàng đầu Đông Nam Á. Chiến lược phát triển tập trung vào ba trụ cột then chốt: nâng cao năng lực công nghệ, mở rộng thị trường quốc tế, và phát triển sản phẩm giá trị gia tăng cao.
- Chủ động đổi mới công nghệ, xây dựng hệ sinh thái kinh doanh vững mạnh, và phát triển các sản phẩm cao su kỹ thuật đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe nhất. Trọng tâm là chinh phục các thị trường khó tính như Nhật Bản, Mỹ và Đức thông qua việc nghiên cứu sâu sắc và phát triển sản phẩm chuyên biệt cho từng phân khúc..
- Tập trung phát triển các dòng sản phẩm cao su ứng dụng công nghệ cao cho các ngành công nghiệp như khai thác than, xi măng và nông nghiệp. Các sản phẩm được thiết kế với những tính năng vượt trội về độ bền, khả năng chịu lực và thích ứng với môi trường làm việc khắc nghiệt, từng bước khẳng định vị thế và thương hiệu trên đấu trường quốc tế.

# 2025

## CÁC YẾU TỐ RỦI RO

### RỦI RO KINH TẾ



Năm 2024 chứng kiến bức tranh kinh tế toàn cầu đầy biến động, tăng trưởng GDP toàn cầu chỉ đạt 3,1%, mức thấp nhất so với giai đoạn trước đại dịch. Lạm phát dù có xu hướng nhưng vẫn tạo áp lực lên hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu. Các yếu tố địa chính trị và biến động năng lượng tiếp tục là thách thức lớn cho nền kinh tế thế giới.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam trở thành điểm sáng với dự báo tăng trưởng GDP 7,09%, theo báo cáo của Tổng cục thống kê. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng 9,5-10%, phản ánh sự phục hồi rõ rệt của hoạt động sản xuất, tạo cơ hội lớn cho doanh nghiệp mở rộng thị trường.

Đối với BERUBCO, đây là thời điểm thuận lợi để đẩy mạnh sản xuất và củng cố vị thế. Tuy nhiên, Công ty cũng nhận thức rõ những rủi ro từ biến động kinh tế, đặc biệt là tỷ giá, chi phí nguyên liệu và nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường xuất khẩu. BERUBCO chủ động theo dõi thị trường, xây dựng chính sách ứng phó linh hoạt, tối ưu hóa sản xuất và mở rộng thị trường xuất khẩu, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững.

### RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU



Chi phí nguyên vật liệu, đặc biệt là cao su thiên nhiên, chiếm tỷ trọng lớn trong sản xuất của BERUBCO. Năm 2024, giá cao su thế giới tăng mạnh do El Niño kéo dài, hạn hán tại Đông Nam Á làm giảm sản lượng. Theo ANRPC, nguồn cung cao su toàn cầu dự kiến thiếu hụt 1,24 triệu tấn so với nhu cầu. cơn bão Yagi vào tháng 9/2024 tiếp tục gây gián đoạn khai thác, đẩy giá cao su xuất khẩu của Việt Nam lên 1.697 USD/tấn, tăng 30,3% so với cùng kỳ năm trước.

Giá mủ cao su nguyên liệu cũng biến động mạnh, đạt gần 500 đồng/TSC, gấp đôi năm 2023, do nguồn cung thiếu hụt, nhu cầu cao từ Trung Quốc, Ấn Độ và Malaysia, cùng chi phí vận chuyển và tỷ giá tăng.

Trước diễn biến này, BERUBCO chủ động đa dạng hóa nguồn cung, hợp tác với nhà cung cấp uy tín, tăng dự trữ khi giá hợp lý và tối ưu hóa sản xuất. Các biện pháp này giúp Công ty giảm rủi ro biến động giá, đảm bảo nguồn nguyên liệu và duy trì lợi nhuận ổn định.

### RỦI RO THỊ TRƯỜNG



Năm 2024, BERUBCO đối mặt với nhiều thách thức do nhu cầu giảm và chi phí tăng trong một số ngành công nghiệp chủ chốt. Ngành xây dựng tăng trưởng 7,48% trong chín tháng đầu năm, nhưng nhiều dự án lớn trì hoãn do khó khăn về vốn, ảnh hưởng tiêu cực đến tiêu thụ sản phẩm băng tải và cao su kỹ thuật.

Thị trường xi măng cũng gặp khó khăn khi cung vượt cầu, nhà máy hoạt động dưới công suất, chi phí than tăng và thuế xuất khẩu clinker tăng từ 5% lên 10%, làm giảm nhu cầu sử dụng băng tải của BERUBCO. Ngành khai thác than và khoáng sản chịu áp lực chi phí khai thác cao, hạn chế đầu tư hạ tầng, ảnh hưởng đến hợp đồng cung cấp của Công ty.

Để ứng phó, BERUBCO tập trung nghiên cứu và phát triển sản phẩm, mở rộng xuất khẩu, giảm phụ thuộc vào thị trường nội địa. Công ty tối ưu hóa sản xuất, cải tiến công nghệ và kiểm soát chi phí chặt chẽ, đảm bảo khả năng thích ứng linh hoạt, duy trì lợi nhuận và lợi thế cạnh tranh.

### RỦI RO PHÁP LUẬT



BERUBCO chịu sự quản lý chặt chẽ của pháp luật về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm và môi trường. Công ty tuân thủ các quy định như Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, cùng các quy chuẩn chuyên ngành như QCVN 12-1:2011/BKHCN. Để đảm bảo chất lượng và nâng cao lợi thế cạnh tranh, BERUBCO áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001:2015, ISO 17025 và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như DIN, JIS, ISO.

Trong bối cảnh khung pháp lý ngành cao su liên tục thay đổi, BERUBCO chủ động nghiên cứu, phát triển sản phẩm phù hợp với yêu cầu trong nước và quốc tế. Công ty cũng tuân thủ chặt chẽ quy định của thị trường chứng khoán và sẵn sàng thích ứng với các chính sách nâng hạng thị trường vào năm 2025.

Bên cạnh đó, trách nhiệm bảo vệ môi trường ngày càng quan trọng, đặt ra thách thức lớn cho doanh nghiệp. BERUBCO cam kết tuân thủ các quy định mới, đầu tư vào sản xuất thân thiện với môi trường và hướng đến phát triển bền vững, khẳng định vai trò tiên phong trong ngành cao su Việt Nam.

## CÁC YẾU TỐ RỦI RO

### RỦI RO TỶ GIÁ



Hoạt động kinh doanh của BERUBCO chịu tác động lớn từ biến động tỷ giá USD/VND do phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu hàng hóa. Năm 2024, Fed hạ lãi suất xuống 4,50% khi lạm phát Mỹ giảm, nhưng chính sách đồng USD mạnh lên dưới chính quyền mới đã đẩy tỷ giá USD/VND tăng gần 5%, đạt 25.440 đồng/USD tính đến thời điểm cuối năm 2024 đầu năm 2025. Điều này tạo cả cơ hội lẫn thách thức khi doanh thu xuất khẩu tăng nhưng chi phí nhập khẩu cũng gia tăng.

Nhằm quản lý rủi ro, BERUBCO áp dụng chiến lược dự trữ hàng tồn kho hợp lý, ký hợp đồng mua nguyên liệu dài hạn với giá cố định và theo dõi chặt chẽ thị trường tài chính. Những giải pháp này giúp Công ty kiểm soát chi phí, tối ưu lợi nhuận và duy trì lợi thế cạnh tranh.

### RỦI RO CHÁY NỔ



Hoạt động sản xuất cao su của BERUBCO tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao do sử dụng nguyên liệu dễ cháy như cao su, hóa chất và dầu mỡ. Việc vận hành thiết bị công suất lớn, lưu trữ nguyên liệu trong môi trường nhiệt độ cao, cùng rủi ro rò rỉ điện có thể làm tăng nguy cơ sự cố. Nếu xảy ra, thiệt hại không chỉ ảnh hưởng đến tài sản, sản xuất mà còn gây tổn thất kinh tế và uy tín.

Nhận thức rõ rủi ro, BERUBCO đã triển khai hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động, định kỳ bảo trì thiết bị và kiểm tra hệ thống điện. Công ty cũng tổ chức đào tạo, diễn tập phòng cháy chữa cháy, tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn QCVN 06:2022/BXD, đảm bảo an toàn và ổn định sản xuất.

### RỦI RO KHÁC



Bên cạnh các rủi ro đã được đề cập, BERUBCO còn phải đối mặt với những rủi ro mang tính bất khả kháng. Dù xác suất xảy ra không cao, nhưng khi phát sinh, chúng có thể gây gián đoạn nghiêm trọng và ảnh hưởng sâu rộng đến hoạt động kinh doanh. Các rủi ro này bao gồm thiên tai, lũ lụt, chiến tranh, dịch bệnh và những Sự kiện bất ngờ nằm ngoài khả năng kiểm soát, có thể tác động trực tiếp đến chuỗi cung ứng, sản xuất và vận hành của Công ty.

Nhận thức rõ mức độ nghiêm trọng của những rủi ro này, BERUBCO đã xây dựng các phương án ứng phó toàn diện và linh hoạt. Công ty triển khai hệ thống quản trị rủi ro, thiết lập quy trình xử lý khẩn cấp và thường xuyên rà soát, nâng cấp cơ sở hạ tầng nhằm tăng cường khả năng chống chịu trước các tình huống bất ngờ. Đồng thời, BERUBCO duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan quản lý và đối tác để đảm bảo sự phối hợp hiệu quả khi cần thiết. Những nỗ lực này không chỉ giúp Công ty giảm thiểu tổn thất khi rủi ro xảy ra, mà còn củng cố khả năng phục hồi, đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh ngay cả trong những điều kiện bất lợi nhất.

### RỦI RO MÔI TRƯỜNG



BERUBCO hoạt động trong lĩnh vực mua bán và sản xuất các sản phẩm cao su, một ngành công nghiệp có tác động đáng kể đến môi trường. Quá trình sản xuất tiêu thụ lượng lớn hóa chất và năng lượng, làm phát sinh chất thải công nghiệp, khí thải và nước thải. Nếu không được kiểm soát chặt chẽ, các yếu tố này có thể gây ô nhiễm không khí, nguồn nước và đất, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường cũng như cộng đồng địa phương.

Bên cạnh đó, BERUBCO phải đối mặt với áp lực tuân thủ các quy định ngày càng nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường, đặc biệt trong bối cảnh chính sách quản lý công nghiệp liên tục siết chặt. Các quy định mới, như Nghị định 08/2022/NĐ-CP và các tiêu chuẩn quốc gia về phát thải công nghiệp, yêu cầu doanh nghiệp đầu tư mạnh vào công nghệ xử lý hiện đại, làm gia tăng đáng kể chi phí vận hành.

Để giảm thiểu rủi ro môi trường, BERUBCO đã triển khai nhiều giải pháp như tối ưu hóa mức tiêu thụ nguyên liệu, điện, nước và đẩy mạnh cải tiến sản xuất nhằm giảm tỷ lệ hàng phế phẩm, nâng cao năng suất. Công ty cũng khuyến khích sáng kiến bảo vệ môi trường thông qua các phong trào thi đua nội bộ, đồng thời tăng cường quản lý chất thải hiệu quả. Những nỗ lực này không chỉ giúp BERUBCO giảm tác động tiêu cực đến môi trường mà còn góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao uy tín trên thị trường.



# BỀN BỈ - DẪN ĐẦU



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 28 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 30 Tình hình đầu tư
- 31 Tổ chức và nhân sự
- 42 Tình hình tài chính
- 46 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 50 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm so với năm 2023
1	Doanh thu thuần	332.243	419.054	26,13%
2	Giá vốn hàng bán	260.260	336.438	29,27%
3	Lợi nhuận gộp	71.984	82.617	14,77%
4	Net profit from operating activities	24.401	27.017	10,72%
5	Lợi nhuận trước thuế	24.188	27.138	12,19%
6	Lợi nhuận sau thuế	19.420	21.751	12,00%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty thể hiện sự phát triển mạnh mẽ và linh hoạt trong bối cảnh thị trường đầy thách thức. Với Doanh thu thuần đạt 419,05 tỷ đồng, tăng trưởng 26,13% so với năm 2023, công ty đã chứng minh khả năng thích ứng và nắm bắt cơ hội trong ngành. Mặc dù phải đối mặt với sự gia tăng

đáng kể của giá nguyên vật liệu cao su tự nhiên, làm giá vốn hàng bán tăng 29,27%, nhưng Công ty đã chủ động dự báo và có kế hoạch phù hợp thông qua việc kiểm soát chi phí hiệu quả. Điều này được minh chứng qua việc duy trì được mức tăng trưởng lợi nhuận ổn định, với lợi nhuận trước thuế đạt 27,14 tỷ đồng (tăng 12,19%) và lợi nhuận

sau thuế đạt 21,75 tỷ đồng (tăng 12,00%). Những kết quả này không chỉ là minh chứng cho chiến lược kinh doanh sáng suốt mà còn thể hiện sức bật và tiềm năng phát triển bền vững của công ty trong một môi trường kinh doanh đầy biến động.

#### DOANH THU THUẦN

**419,05** tỷ đồng  
**26,13%** ▲

#### LỢI NHUẬN SAU THUẾ

**21,75** tỷ đồng  
**12,00%** ▲



### SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ TRONG NĂM 2024

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm so với năm 2023
Băng tải lõi vải	m2	152.184	187.182	23,00%
Băng tải lõi thép	m2	18.169	21.739	19,65%
Dây courroie	inch	20.156.930	20.915.877	3,77%
Cao su kỹ thuật	kg	1.797.671	2.143.750	19,25%

Năm 2024 chứng kiến sự phân hóa rõ rệt trong sản lượng tiêu thụ các sản phẩm. Tình hình tiêu thụ băng tải lõi vải, băng tải lõi thép, dây courroie và cao su kỹ thuật ghi nhận tăng, lần lượt là 187.182 m2, 21.739 m2, 20.915.877 inch, và 2.143.750 kg. Nguyên nhân chính là do nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm này tăng trở lại khi hoạt động sản xuất công nghiệp dần khởi sắc, song song với sự phục hồi của các ngành công nghiệp. Công ty vẫn duy trì vị thế vững chắc trong phân khúc này và sẽ tận dụng cơ hội để mở rộng thị phần trong thời gian tới.

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	% Hoàn thành kế hoạch
1	Tổng doanh thu và thu nhập	422.010.955.431	329.929.000.000	127,91%
2	Lợi nhuận trước thuế	27.137.673.768	24.532.000.000	110,62%
3	Lợi nhuận sau thuế	21.751.243.495	19.626.000.000	110,83%

**Trong năm 2024, công ty đã đạt được những kết quả ấn tượng trong việc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh**, bất chấp những bất ổn từ môi trường kinh doanh, đặc biệt là sự tăng giá nguyên liệu đầu vào và chi phí điện sản xuất. Cụ thể, tổng doanh thu và thu nhập đạt 422,01 tỷ đồng, vượt xa mục tiêu 329,93 tỷ đồng với tỷ lệ hoàn thành lên đến 127,91%. Thành tựu này không chỉ phản ánh sự mở rộng mạnh mẽ các hoạt động sản xuất và bán hàng mà còn cho thấy công ty đã nỗ lực gia tăng số lượng đơn hàng và tối ưu hóa quy trình sản xuất.

Bên cạnh đó, lợi nhuận trước thuế đạt 27,14 tỷ đồng, tương ứng với 110,62% kế hoạch, trong khi lợi nhuận sau

thuế cũng đạt 21,75 tỷ đồng, hoàn thành vượt 110,83% so với chỉ tiêu đã đề ra. Điều này cho thấy công ty không chỉ kiểm soát chi phí hiệu quả mà còn duy trì được sự ổn định trong hoạt động kinh doanh.

Những kết quả tích cực này khẳng định công ty đang đi đúng hướng trong việc thực hiện các chiến lược mở rộng sản xuất và tăng trưởng bền vững. Đồng thời, sự chủ động trong quản lý tài chính và chi phí đã giúp công ty vượt qua được những thách thức từ thị trường. Các chỉ tiêu tài chính đều vượt kế hoạch, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai.

## CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Không có.

### CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có.

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO CỦA CÔNG TY

Tính đến ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>				
1	Nguyễn Minh Đoàn	Chủ tịch HĐQT	CN: 0 ĐD: 4.189.408	CN: 0 ĐD: 33,85
2	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm TGD	CN: 16.698 ĐD: 1.856.250	CN: 0,13 ĐD: 15,00
3	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT không điều hành	CN: 0 ĐD: 2.457.587	CN: 0 ĐD: 19,86
4	Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT độc lập	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
5	Nguyễn Nho Lương	Thành viên HĐQT không điều hành	CN: 0 ĐD: 2.310.000	CN: 0 ĐD: 18,67
<b>II BAN KIỂM SOÁT</b>				
1	Nguyễn Quốc Vương	Trưởng BKS	CN: 300 ĐD: 0	CN: 0,0024 ĐD: 0
2	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
3	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
<b>III BAN ĐIỀU HÀNH</b>				
1	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm TGD	CN: 16.698 ĐD: 1.856.250	CN: 0,13 ĐD: 15
2	Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	CN: 3.039 ĐD: 0	CN: 0,029 ĐD: 0
3	Huỳnh Văn Thế	Phó Tổng Giám đốc	CN: 1400 ĐD: 0	CN: 0,011 ĐD: 0
4	Dương Hoài Trinh	Kế toán trưởng	CN: 990 ĐD: 0	CN: 0,008 ĐD: 0



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



### GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### 1 ÔNG NGUYỄN MINH ĐOAN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1970  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Tài chính.  
Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
08/1994 – 07/1997	Nhân viên kế toán vật tư - ủy viên BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Công ty Cao su Bà Rịa
08/1997 – 12/1999	Ủy viên Ban thường vụ Đoàn TN khóa I, nhiệm kỳ 1995 – 2000 Công ty Cao su Bà Rịa
01/2000 – 04/2007	Bí thư Đoàn TN, Ủy viên BTV Tỉnh Đoàn BRVT, Ủy viên BCH Đảng ủy Cty Khóa II, khóa III, kiêm Chánh Văn Phòng Đảng ủy, Phó Phòng TCHC Công ty Cao su Bà Rịa
04/2007 – 04/2010	Phó Bí thư, Phó giám đốc nông trường Xà Bang Công ty Cao su Bà Rịa
05/2010 – 07/2014	Bí thư Đảng ủy, Phó giám đốc nông trường Xà Bang Công ty Cao su Bà Rịa
08/2014 – 02/2015	Phó phòng Kế hoạch XDDB, Ủy viên BCH Đảng ủy khóa IV CTCP Cao su Bà Rịa
03/2015 – 04/2016	Trưởng phòng TCHC, Ủy viên BTV Đảng ủy Công ty Khóa V CTCP Cao su Bà Rịa
05/2016 – 10/2019	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng TCHC CTCP Cao su Bà Rịa
11/2019 – 06/2021	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Cao su Bà Rịa
07/2021 – 09/2024	Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Bà Rịa
10/2024 - đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Bến Thành

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có.

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL.
- Đại diện vốn Tập đoàn Cao su Việt Nam: 4.189.408 cổ phần; chiếm 33,85% VDL.

#### Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Mối quan hệ: Tổ chức có liên quan; nắm giữ: 6.045.658 CP, chiếm 48,85% VDL

### GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### 2 ÔNG NGUYỄN TRẦN NGHIÊM VŨ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1967  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết kế máy.  
Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
1991 - 2002	Quản đốc xưởng để giày Công ty công nghiệp Cao su Rubimex
2002 - 2005	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Bến Thành
2006 - 2007	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Bến Thành
2007 - 2016	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
2016 - 2017	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
2017 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có.

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 16.698 cổ phần; chiếm 0,13% VDL.
- Đại diện vốn Tập đoàn Cao su Việt Nam: 1.856.250 cổ phần; chiếm 15,00% VDL.

#### Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Mối quan hệ: Tổ chức có liên quan; nắm giữ: 6.045.658 CP, chiếm 48,85% VDL.

#### 3 ÔNG NGUYỄN NHỎ LƯƠNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1975  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư quản trị tài chính kế toán.  
Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
8/2008 – 12/2012	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Ban QLDA xi măng Bút Sơn 2
1/2013 – 11/2016	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn
12/2016 – 5/2019	Tổ trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn
5/2019 – 5/2020	Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn
5/2020 – 7/2022	Phó phòng Tài chính Kế toán kiêm Trưởng phòng Kế toán xí nghiệp Tiêu thụ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn
7/2022 – 9/2023	Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn
9/2023 – đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên
6/2024 – đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL.
- Đại diện vốn CTCP Xi măng Hà Tiên: 2.310.000 cổ phần; chiếm 18,67% VDL.

#### Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Đại diện vốn CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên: 2.310.000 cổ phần; chiếm 18,67% VDL.

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### GỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 4 ÔNG NGUYỄN VIỆT HÀ**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
KHÔNG ĐIỀU HÀNH
- Năm sinh: 1979  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân vật lý.  
Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
2002 - 2006	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Cơ điện - Công ty Thuốc Lá Bến Thành
2006 - 2008	Phó Giám đốc xí nghiệp thuốc lá Bến Thành 2 - Công ty Thuốc Lá Bến Thành
2008 - 2010	Phó Giám đốc - Nhà máy thuốc lá Bến Thành
2010 - 2013	Phó phòng Phòng Kỹ thuật Công nghệ - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
2010 - 2015	Phó phòng Phòng Kỹ thuật Chất lượng - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
2015 - 03/2025	Giám đốc Phòng Kỹ thuật Chất lượng - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
05/2020 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
03/2025 - Nay	Giám đốc Kỹ thuật - An toàn lao động - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Giám đốc Kỹ thuật - An toàn lao động - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Cá nhân: CN: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL.
- Đại diện vốn Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn: 2.457.587 cổ phần; chiếm 19,86% VDL.

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:**

- Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn - Mối quan hệ: Tổ chức có liên quan; nắm giữ: 2.457.587 CP, chiếm 19,86% VDL48,85% VDL

- 5 ÔNG VĂN TRỌNG LONG**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ĐỘC LẬP
- Năm sinh: 1979  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí  
Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
6/2005 - 4/2007	Chuyên viên Công ty POSLILAMA Cơ khí và Xây dựng
4/2007 - 6/2008	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật CTCP Thể thao Ngôi sao Geru
6/2008 - 7/2009	Giám đốc xưởng cơ khí CTCP Thể thao Ngôi sao Geru
1/2010 - 12/2010	Phó Phòng Quản lý chất lượng CTCP Thể thao Ngôi sao Geru
1/2011 - 6/2013	Giám đốc xưởng Bóng Da, Phó Giám đốc xưởng sản xuất CTCP Thể thao Ngôi sao Geru
7/2013 - 4/2014	Phó Phòng Tổ chức hành Chính CTCP Thể thao Ngôi sao Geru
4/2014 - 1/2020	Chuyên viên Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
1/2020 - 2/2025	Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
6/2022 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
3/2025 - Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần, chiếm 0% VDL.

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:** Không có.

### GỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

- 1 ÔNG NGUYỄN QUỐC VƯƠNG**  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
- Năm sinh: 1988  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính Doanh nghiệp  
Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
06/2011 - 03/2014	Nhân viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
04/2014 - 12/2016	Nhân viên Xưởng sản xuất Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
01/2017 - 05/2022	Nhân viên Phòng Kế hoạch Vật tư Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
06/2022 - 10/2024	Phó Phòng Kế hoạch Vật tư Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
10/2024 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Cá nhân: 300 cổ phần; chiếm 0.0024% VDL.
- Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:** Không có.

- 2 BÀ LƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT**  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
- Năm sinh: 1983  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.  
Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
2004 - 2014	Công tác tại Trung tâm Công nghệ phần mềm Sài Gòn - Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn
04/2015 - 03/2025	Công tác tại phòng Kế hoạch Kinh doanh - Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn
04/2017 - Nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
03/2025 - Nay	Phó trưởng Phòng Quản lý vốn và Tái cơ cấu Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Phó trưởng Phòng Quản lý vốn và Tái cơ cấu Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần, chiếm 0% VDL.

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:** Không có.

- 3 ÔNG TRẦN NGUYỄN HUY HÙNG**  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
- Năm sinh: 1979  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.  
Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
10/2003 - Nay	Phó Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên
4/2019 - Nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Phó Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần, chiếm 0% VDL.

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:** Không có.

## GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

**1 ÔNG NGUYỄN TRẦN NGHIÊM VŨ**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Sơ yếu lý lịch Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc vui lòng xem tại thông tin HĐQT

**2 ÔNG HUỖNH VĂN THỂ**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1977  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Hóa học và Thực phẩm  
Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
12/2001 - 09/2002	Kỹ sư công nghệ tại Công ty Dệt Thắng Lợi
10/2002 - 12/2009	Kỹ sư công nghệ tại Xí nghiệp Cao su Điện Biên - Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (Casumina)
12/2009 - 01/2010	Kỹ sư công nghệ tại Xí nghiệp Cao su Bình Lợi - Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (Casumina).
01/2010 - 08/2010	Nhân viên kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Công nghệ mới Miền Nam
12/2010 - 08/2011	Nhân viên kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Giày An Lạc
09/2011 - 03/2012	Nhân viên kỹ thuật tại Công ty TNHH Một Thành Viên An Thành
04/2012 - 11/2013	Phó trưởng phòng Kỹ thuật tại Công ty TNHH Một Thành Viên An Thành
12/2013 - 6/2014	Phó phòng Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Giày An Lạc
06/2014 - 9/2015	Phó phòng Kỹ thuật kiêm Quản đốc xưởng cán luyện cao su tại CTCP Giày An Lạc
9/2015 - 10/2015	Nhân viên kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành.
11/2015 - 2/2016	Phó Phòng Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành.
2/2016 - 3/2017	Quyền Trưởng Phòng Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
4/2017 - 9/2024	Trưởng Phòng Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
10/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Cá nhân: 1.400 cổ phần; chiếm 0.011% VDL
- Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:** Không có

**3 ÔNG HUỖNH ANH TUẤN**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1974  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tin học  
Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
2002 - 2004	Cán bộ Phòng Kinh doanh Công ty Cao su Bến Thành
2004 - 2007	Phó Phòng kinh doanh Công ty Cao su Bến Thành
2007 - 2014	Trưởng Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
2014 - 2016	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
2016 - 6/2020	Trưởng Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
7/2020 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Cá nhân: 3.090 cổ phần; chiếm 0.025% VDL.
- Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:** Không có.

**4 BÀ DƯƠNG HOÀI TRINH**  
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1980  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán  
Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
2002 - 2003	Làm việc tại Công ty TNHH Thương mại Xây Dựng Bảo Châu
2003 - 2004	Làm việc tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Nam Phát
2004 - 2005	Làm việc tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
2008 - 2014	Nhân viên Kế toán Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
2014 - 05/2016	Phó Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
05/2016 - 10/2024	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
10/2024 - nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Cá nhân: 990 cổ phần; chiếm 0.008% VDL.
- Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:** Không có.

**NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024**

STT	Thông tin	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Hội đồng quản trị	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Diệp Xuân Trường	Chủ tịch HĐQT	01/04/2019	28/10/2024
2	Nguyễn Minh Đoan	Chủ tịch HĐQT	28/10/2024	
3	Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT không điều hành	07/01/2022	20/06/2024
4	Nguyễn Nho Lương	Thành viên HĐQT không điều hành	20/06/2024	

**NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024**

STT	Thông tin	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban Kiểm soát	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Dương Hoài Trinh	Trưởng BKS	24/05/2016	28/10/2024
2	Nguyễn Quốc Vương	Trưởng BKS	28/10/2024	

**NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2024**

STT	Thông tin	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban Điều hành	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Huỳnh Văn Thê	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2024	
2	Dương Hoài Trinh	Kế toán trưởng	28/10/2024	
3	Huỳnh Ngọc Sơn	Kế toán trưởng	01/01/2022	28/10/2024

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN**

Tính chất phân loại	Năm 2023		Năm 2024	
	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
<b>A Theo trình độ</b>				
1 Trình độ Đại học và trên Đại học	41	19,62	43	18,70
2 Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	16	7,66	17	7,39
3 Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	18	8,61	20	8,70
4 Lao động phổ thông	134	64,11	150	65,22
<b>B Theo thời hạn HĐLĐ</b>				
1 Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	74	35,41	154	66,96
2 Hợp đồng không xác định thời hạn	135	64,59	76	33,04
<b>C Theo giới tính</b>				
1 Nam	171	81,82	186	80,87
2 Nữ	38	18,18	44	19,13
<b>Tổng cộng</b>	<b>209</b>		<b>230</b>	

**THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

STT	Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Tổng số lao động bình quân (người)	219	209	230
2	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/năm)	149.196	162.024	190.113

## CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



### VỀ ĐÀO TẠO

Hàng năm, Công ty luôn đặt trọng tâm vào việc thu hút và phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo và phát triển kỹ năng. Trong năm 2024, để nâng cao năng lực cho đội ngũ CBCNV, Công ty tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo và huấn luyện định kỳ. Các chương trình đào tạo được thiết kế bài bản, phù hợp với nhu cầu chuyên môn thực tế của Công ty, giúp trang bị cho người lao động các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết để sẵn sàng cho các cơ hội kinh doanh trong tương lai. Bên cạnh việc nâng cao năng lực chuyên môn cho nhân viên, Công ty còn đặc biệt chú trọng vào công tác đào tạo và phát triển đội ngũ quản lý, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của tổ chức.

### MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Công ty tiếp tục chú tâm xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng và thân thiện, tạo điều kiện để mỗi CBCNV có thể phát huy tối đa năng lực chuyên môn và sáng tạo, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Văn hóa Công ty được xây dựng như một sợi dây kết nối tất cả nhân viên, thúc đẩy tinh thần đoàn kết, hợp tác và chia sẻ giữa các cá nhân.

Môi trường làm việc luôn được Công ty quan tâm cải thiện, với mục tiêu mang đến không gian làm việc thân

Chương trình đào tạo của Công ty được chia thành hai hình thức chính: đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài.

#### Đào tạo nội bộ

Công ty tổ chức thường xuyên các khóa đào tạo tại chỗ, tận dụng tối đa khả năng và nguồn lực sẵn có để nâng cao trình độ của cán bộ nhân viên.

#### Đào tạo bên ngoài

Công ty cử nhân sự tham gia các khóa học, chương trình đào tạo chuyên sâu được tổ chức bởi các cơ quan, tổ chức bên ngoài, giúp nâng cao kiến thức và kỹ năng từ các nguồn chuyên gia bên ngoài.

thiện, giúp nhân viên cảm thấy yên tâm và gắn bó lâu dài. Văn phòng làm việc được thiết kế rộng rãi, thoáng mát, đầy đủ tiện nghi, mang đến không gian làm việc thoải mái và hiệu quả cho toàn thể CBCNV. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty đảm bảo cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, chú trọng vệ sinh lao động, đồng thời cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của nhân viên trong suốt quá trình làm việc

### VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Công ty luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến đời sống vật chất và tinh thần của CBCNV thông qua các chính sách phúc lợi và lương thưởng hấp dẫn, đảm bảo công bằng, hợp lý, và tuân thủ quy định pháp luật. Chính sách lương và thưởng được xây dựng dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty, đồng thời căn cứ vào từng vị trí công việc, kỹ năng và Trình độ chuyên môn của mỗi nhân viên. Qua đó, Công ty ghi nhận đúng mức đóng góp của từng cá nhân, từ đó tạo động lực để nhân viên phát huy tối đa năng lực và trách nhiệm, đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty cung cấp các phúc lợi bổ sung như các kỳ nghỉ dưỡng tập thể và chương trình khám sức khỏe định kỳ, nhằm đảm bảo sức khỏe và tinh thần làm việc cho toàn thể nhân viên. Ngoài ra, Công ty cũng đảm bảo các chế độ phụ cấp đầy đủ, bao gồm phụ cấp chức vụ, trách nhiệm, và các khoản phụ cấp đặc thù khác tùy thuộc vào yêu cầu và đặc điểm công việc của từng vị trí, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên yên tâm công tác và phát triển nghề nghiệp.

### VỀ TUYỂN DỤNG

Để đảm bảo việc cung cấp nhân lực kịp thời và đầy đủ, Công ty đã xây dựng chính sách tuyển dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm ngành nghề và nhu cầu phát triển của Công ty. Công ty cam kết duy trì sự minh bạch và công bằng trong toàn bộ quá trình tuyển dụng, đảm bảo mọi ứng viên đều được đánh giá một cách công bằng dựa trên năng lực, kinh nghiệm và sự phù hợp với yêu cầu công việc. Quá trình tuyển dụng được thực hiện theo kế hoạch hàng năm cũng như kế hoạch bổ sung đột xuất, căn cứ vào các yếu tố sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;	Tình hình thực tế về nhân sự tại các bộ phận;	Nhu cầu thay thế lao động do nghỉ việc hoặc hưu trí;	Chính sách nhân sự, lao động - tiền lương, và định hướng phát triển dài hạn của Công ty.
---	---	--	--

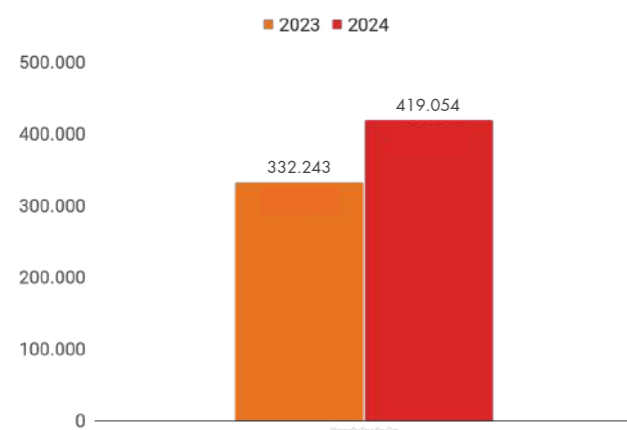
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

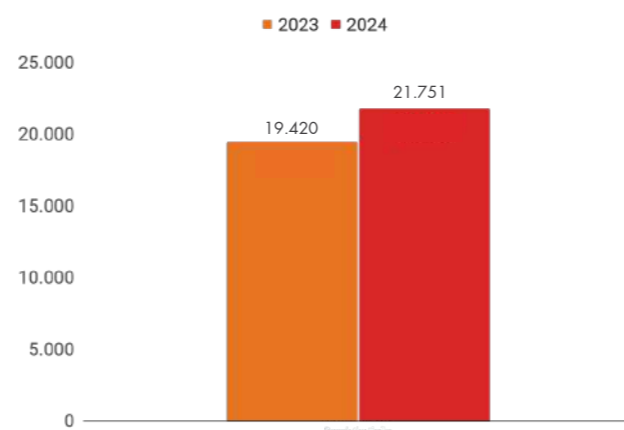
ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm so với năm 2023
1	Tổng giá trị tài sản	290.610	309.086	6,36%
2	Doanh thu thuần	332.243	419.054	26,13%
3	Lợi nhuận gộp	71.984	82.617	14,77%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.401	27.017	10,72%
5	Thu nhập khác	117	156	33,33%
6	Lợi nhuận trước thuế	24.188	27.138	12,20%
7	Lợi nhuận sau thuế	19.420	21.751	12,00%
8	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	1.569	1.758	12,05%

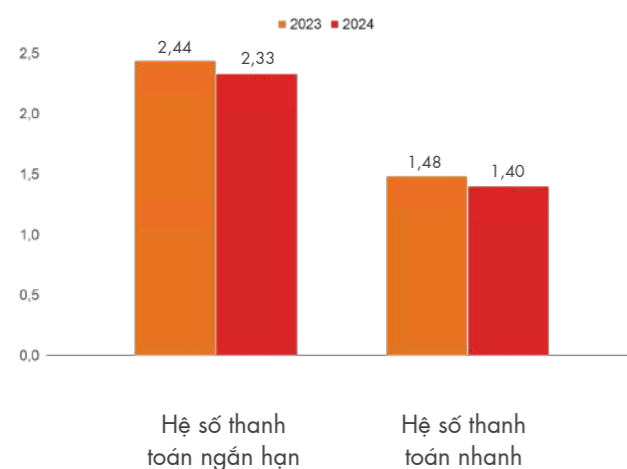
Doanh thu thuần



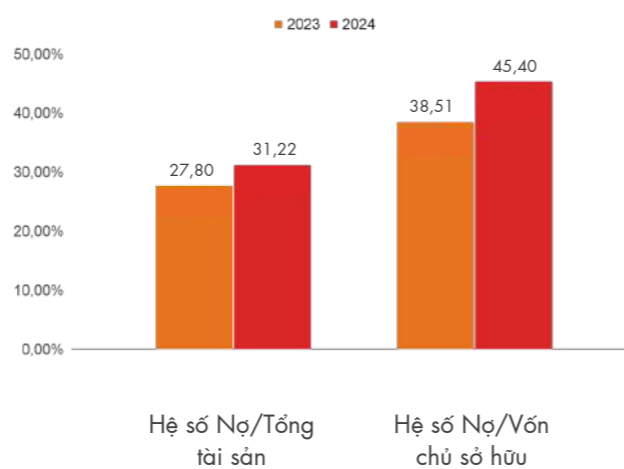
Lợi nhuận sau thuế



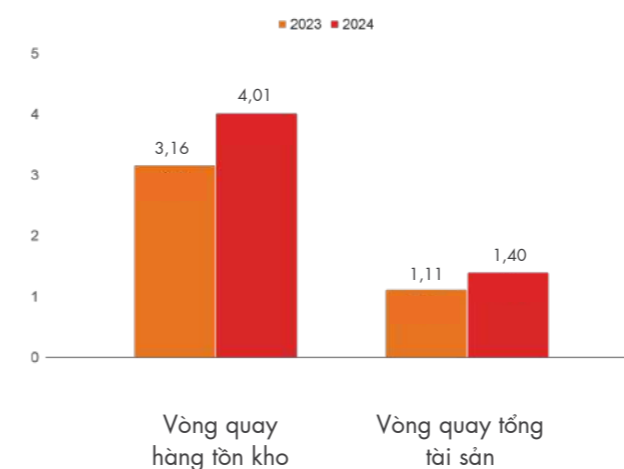
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



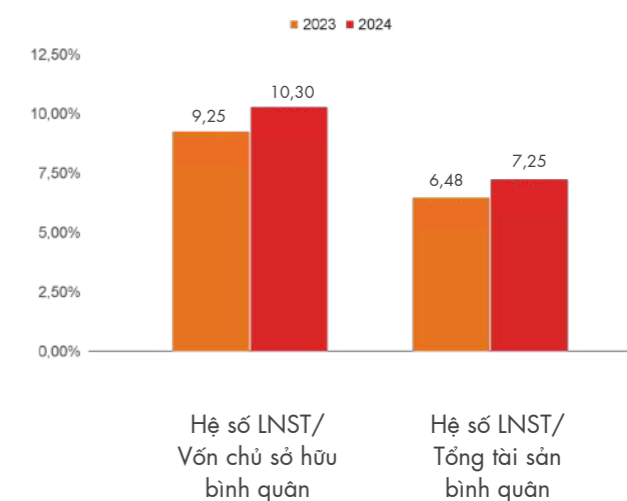
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Chi tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,44	2,33
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,48	1,40
Chi tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	27,80	31,22
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	38,51	45,40
Chi tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,16	4,01
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,11	1,40
Chi tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,85	5,19
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,25	10,30
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,48	7,25
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	7,34	6,45

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

#### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2024, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt giảm nhẹ xuống 2,33 lần và 1,4 lần, so với mức 2,44 lần và 1,48 lần của năm 2023. Tuy nhiên, các chỉ số này vẫn duy trì ở mức hợp lý, đảm bảo khả năng thanh toán tốt của Công ty.

Tổng tài sản ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2024 đạt 224,60 tỷ đồng, tăng 13,91% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính là do mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến sự gia tăng của khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho. Cụ thể, giá trị hàng tồn kho tăng 15,38%, từ 77,95 tỷ đồng lên 89,94 tỷ đồng. Việc gia tăng hàng tồn kho, bao gồm nguyên liệu, vật liệu, hàng trong quá trình sản xuất và thành phẩm, giúp Công ty đảm bảo chuỗi sản xuất diễn liên tục và duy trì nguồn cung ứng ổn định để phục vụ khách hàng.

Về nợ ngắn hạn, tính đến ngày 31/12/2024, Công ty ghi nhận mức 96,51 tỷ đồng, tăng 19,44% so với cuối năm 2023. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ tăng khoản phải trả cho người bán ngắn hạn, chi phí lương cho công nhân viên, cũng như khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn trong bối cảnh nhu cầu sản xuất mở rộng.

Tỷ lệ nợ/tổng tài sản tăng lên 31,19% so với mức 27,8% của năm 2023. Sự gia tăng này chủ yếu xuất phát từ tăng nợ ngắn hạn, với tổng nợ phải trả đạt 96,51 tỷ đồng, tăng 19,44% so với mức 80,80 tỷ đồng của năm 2023. Việc gia tăng nợ chủ yếu do Công ty tăng chi phí nguyên vật liệu và nhân công để đẩy mạnh hoạt động sản xuất trong năm 2024.

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng tài sản đạt 309,09 tỷ đồng, tăng 6,36% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm hơn 70% tổng tài sản và tăng 13,91%, trong khi tài sản dài hạn giảm 9,58% do ảnh hưởng từ khấu hao.

Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 38,51% lên 45,40%, phản ánh sự mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, điều quan trọng là Công ty không có nợ dài hạn, cho thấy chiến lược tận dụng nguồn vốn sẵn có để mở rộng sản xuất mà không làm tăng áp lực chi phí tài chính. Sự gia tăng tỷ lệ nợ này chủ yếu xuất phát từ hoạt động mở rộng kinh doanh, thay vì từ các khoản vay tài chính, giúp Công ty duy trì sự ổn định tài chính và giảm rủi ro thanh khoản trong dài hạn.

#### CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

#### CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Năm 2024, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty đều được cải thiện so với năm trước, phản ánh sự hiệu quả trong việc sử dụng tài sản và quản lý hàng tồn kho.

Vòng quay hàng tồn kho tăng lên 4,01 vòng, so với 3,16 vòng của năm 2023. Điều này cho thấy Công ty gia tăng sản lượng bán ra, đồng thời quản lý hàng tồn kho hiệu quả hơn, giúp rút ngắn thời gian lưu kho và tối ưu hóa chi phí lưu trữ.

Vòng quay tài sản tăng từ 1,11 vòng lên 1,40 vòng, cho thấy Công ty đã sử dụng tài sản hiệu quả hơn để tạo ra doanh thu. Sự gia tăng này được thúc đẩy bởi sự phục hồi của nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh mở rộng, dẫn đến Doanh thu thuần tăng 26,13%, đạt 419,05 tỷ đồng. Tổng tài sản của Công ty đạt 309,09 tỷ đồng, tăng 6,36% so với cùng kỳ năm 2023, phản ánh sự tăng trưởng bền vững và hiệu quả trong việc tối ưu hóa tài sản hiện có. Công ty đã nâng cao công suất máy móc và kiểm soát chi phí sản xuất, góp phần tăng cường hiệu suất hoạt động.

Trong năm 2024, mặc dù sản lượng và doanh thu tăng trưởng tích cực, nhưng biến động chi phí đầu vào đã ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty.

↓ ↑ Hệ số LNST/Doanh thu thuần giảm từ 5,85% xuống 5,19%;  
↓ ↑ Hệ số lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần giảm từ 7,34% xuống 6,45%.

Nguyên nhân chính là do chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, làm gia tăng giá vốn hàng bán, cùng với chính sách giảm giá và chiết khấu để tăng tính cạnh tranh, dẫn đến biên lợi nhuận giảm nhẹ. Tuy nhiên, một điểm tích cực là khả năng sinh lời dựa trên vốn chủ sở hữu và tổng tài sản tiếp tục cải thiện:

↓ ↑ Lợi LNST/vốn chủ sở hữu bình quân tăng từ 9,25% lên 10,30%  
↓ ↑ Lợi LNST/tổng tài sản bình quân tăng từ 6,48% lên 7,25%

Điều này cho thấy Công ty vẫn duy trì khả năng tối ưu hóa nguồn vốn và nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản và tận dụng nguồn vốn để tạo ra lợi nhuận. Sự cải thiện này khẳng định nỗ lực của ban lãnh đạo trong việc duy trì sự ổn định tài chính bên cạnh mở rộng sản xuất kinh doanh.

#### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài tại ngày 31/12/2024

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	2.457.578	19,86	1	1	-
2	Cổ đông lớn	8.355.658	67,52	2	2	-
-	Trong nước	8.355.658	67,52	2	2	-
-	Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Công đoàn công ty	-	-	-	-	-
4	Cổ đông khác	1.561.761	12,62	553	13	540
-	Trong nước	1.479.541	11,75	523	6	517
-	Nước ngoài	82.220	0,87	30	7	23
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>12.374.997</b>	<b>100</b>	<b>556</b>	<b>16</b>	<b>540</b>
Trong đó: - Trong nước		12.292.777	99,13	526	9	517
- Nước ngoài		82.220	0,87	30	7	23

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tính đến ngày 31/12/2024.

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	TCT Công Nghiệp Sài Gòn -TNHH MTV	Số 58-60 Nguyễn Tất Thành, P.13, Q4, TPHCM	2.457.578	19,86
2	Tập đoàn Công Nghiệp cao su VN-CTCP	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Võ Thị Sáu, Quận 3	6.045.658	48,85
3	CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên	604 Võ Văn Kiệt, P.Cầu Kho, Q1	2.310.000	18,67

Căn cứ công văn số 6065/UBCK-PTTT ngày 12 tháng 09 năm 2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là: 50%.





## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công ty luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, kết hợp hài hòa và chặt chẽ ba yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường. Mục tiêu này không chỉ giúp Công ty duy trì tăng trưởng ổn định mà còn bảo vệ quyền lợi cộng đồng và hệ sinh thái.

### KINH TẾ



- Công ty cam kết duy trì sự phát triển tài chính vững mạnh bằng cách tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng kinh doanh và quản lý nguồn vốn hiệu quả.

### XÃ HỘI



- Công ty coi trọng trách nhiệm xã hội và cam kết đóng góp tích cực vào sự phát triển cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ giáo dục, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn và tạo cơ hội việc làm, đặc biệt tại các khu vực Công ty hoạt động. Công ty cũng chú trọng phúc lợi cho người lao động, đảm bảo môi trường làm việc công bằng, an toàn và cung cấp cơ hội phát triển nghề nghiệp.

### MÔI TRƯỜNG



- Công ty cam kết triển khai các giải pháp sản xuất thân thiện với môi trường, tuân thủ quy định pháp luật, giảm thiểu chất thải và phát thải khí nhà kính. Đồng thời, Công ty cũng liên tục đổi mới, áp dụng thực hiện các sáng kiến tiết kiệm năng lượng, quản lý chất thải hiệu quả, và bảo vệ nguồn nước trong quá trình sản xuất, từ đó góp phần bảo vệ hệ sinh thái và thúc đẩy phát triển bền vững.

Trong hai thập kỷ qua, trên phạm vi toàn cầu, phát triển bền vững đã trở thành một vấn đề cấp thiết, thu hút sự quan tâm đặc biệt của các quốc gia, tổ chức và cộng đồng quốc tế. Tại Việt Nam, Đảng và Chính phủ đã thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc theo đuổi mô hình phát triển bền vững thông qua Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, phù hợp với các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc. Những nỗ lực này không chỉ thể hiện trách nhiệm của Việt Nam trong việc đóng góp vào sự phát triển chung của thế giới mà còn mở ra nhiều cơ hội hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư và thúc đẩy đổi mới sáng tạo theo hướng xanh và bền vững.



# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

## TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG



Là doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm từ cao su, BERUBCO luôn cam kết bảo vệ môi trường trong suốt quá trình sản xuất và kinh doanh, hướng tới phát triển bền vững. Chúng tôi thực hiện các biện pháp cụ thể sau:

**Tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường:** Đầu tư hệ thống xử lý môi trường hiện đại và kiểm soát chặt chẽ chất thải nguy hại.

**Áp dụng sáng kiến bảo vệ môi trường:** Cập nhật các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính, quản lý chất thải và bảo vệ đất đai.

**Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong nhân viên:** Tổ chức các hoạt động đào tạo, nâng cao nhận thức cho CBCNV.

Quản lý môi trường không chỉ là trách nhiệm pháp lý mà còn là nghĩa vụ xã hội của BERUBCO đối với cộng đồng. Chúng tôi cam kết tạo dựng một môi trường làm việc an toàn cho người lao động, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, và sản xuất các sản phẩm không gây hại đến môi trường. Nỗ lực này của Công ty cũng nhằm góp phần vào việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của Đảng và Nhà nước ta.



## NGUYÊN VẬT LIỆU



BERUBCO luôn nỗ lực đạt sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, đặc biệt thông qua quản lý hiệu quả và bền vững nguồn nguyên vật liệu. Công ty thực hiện các biện pháp sau:

**Tuân thủ tiêu chuẩn quản lý nguồn nguyên vật liệu:** Rà soát, hoàn thiện và chuẩn hóa các bộ tiêu chuẩn định mức về tiêu hao vật tư và nguyên liệu đầu vào, đảm bảo chất lượng và hiệu quả sử dụng nguyên liệu tối ưu.

**Áp dụng công nghệ tiên tiến:** Tìm kiếm và ứng dụng công nghệ mới, ưu tiên các giải pháp tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường, giúp tối ưu hóa sản xuất và giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái.

**Chủ động đàm phán với nhà cung cấp:** Tích cực tìm kiếm và hợp tác với các nhà cung cấp uy tín, đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định về chất lượng và số lượng, đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất.

**Xây dựng mối quan hệ bền vững với nhà cung cấp:** Duy trì quan hệ lâu dài với các đối tác tin cậy, từ đó đảm bảo nguồn cung ổn định và giá cả hợp lý trong dài hạn.

Những giải pháp này giúp Công ty sử dụng nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc rõ ràng, tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng và bảo vệ môi trường, đồng thời nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh bền vững.

Tổng khối lượng chất thải rắn (tấn)	Tổng khối lượng chất thải rắn được xử lý (tấn)	Xử lý chất thải rắn		
		Tự xử lý	Phương thức xử lý	
			Tên nhà thầu	Thời gian
16,7	Chất thải rắn sinh hoạt 16.7 tấn		Công Ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Củ Chi	01/01/2024-31/12/2024
12,96	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho sản xuất 12.96 tấn		Cơ sở thu gom và cho người dân địa phương để làm than tổ ong	01/01/2024-31/12/2024
0,131	Chất thải phải xử lý 0.131 tấn: giấy vụn, thùng giấy, bao bì carton, thùng carton			
0,546	Chất thải phải xử lý 0.546 tấn: vải courroie, băng tải phế		Công Ty Cổ phần Môi trường xanh VN	01/01/2024-31/12/2024
3,753	Chất thải nguy hại 3.753 tấn			

## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG



Công ty cam kết thực hiện các giải pháp hiệu quả để tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình sản xuất. Các biện pháp được triển khai bao gồm:

**Đầu tư trang thiết bị tiết kiệm năng lượng:** Cập nhật và đầu tư các thiết bị, máy móc hiện đại với tiêu chí tiết kiệm năng lượng, giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất và giảm chi phí vận hành.

**Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ:** Đảm bảo máy móc, trang thiết bị hoạt động với hiệu suất tối ưu, giảm lãng phí năng lượng và kéo dài tuổi thọ thiết bị.

**Nâng cao ý thức sử dụng năng lượng:** Tổ chức đào tạo và nâng cao nhận thức cho nhân viên về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Những biện pháp này không chỉ giúp Công ty giảm chi phí năng lượng, tăng lợi ích kinh tế mà góp phần bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Tình hình tiêu thụ năng lượng				
TT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2024	Ghi chú
1	Dầu DO	Lít	30.280	Quy đổi: 36,845 KJ/ Lít
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	1.115.666.600	
2	Xăng	Lít	4.040	Quy đổi: 34,752 KJ/ Lít
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	140.398.080	
3	Than đá	Kg	114.180	Quy đổi: Nhiệt trị 4000 Kcal/kg 1Kcal=4.186KJ
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	1.911.829.920	
4	Điện	kwh	8.407,304	Quy đổi: 3600 KJ/ kwh
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	30.266.294	

### TIÊU THỤ NƯỚC



Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời cam kết thực hiện các giải pháp để tối ưu hóa việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước trong quá trình sản xuất, bao gồm các giải pháp:

**Khuyến khích cán bộ nhân viên sử dụng nước tiết kiệm:** Triển khai chương trình nâng cao ý thức tiết kiệm nước trong công việc hàng ngày, khuyến khích nhân viên giảm thiểu lãng phí tài nguyên nước.

**Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải:** Đầu tư cải tiến hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải được xử lý theo quy định pháp luật trước khi được thải ra môi trường, bảo vệ tài nguyên nước và ngăn ngừa ô nhiễm.

Các biện pháp này không chỉ giúp Công ty giảm thiểu tiêu thụ nước mà còn góp phần vào công tác bảo vệ nguồn tài nguyên nước quý giá như là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng, tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

#### Nguồn nước

STT	Các nguồn nước	Tổng lượng nước thu về/ đạt được (ĐVT: Lít)
1	Nước giếng	-
2	Nước thủy cục	27.689
Tổng cộng		27.689

#### Lượng nước sử dụng

STT	Loại hoạt động	Tổng lượng nước sử dụng (ĐVT: lít)
1	Sản xuất	27.689.000
2	Sinh hoạt	
Tổng cộng		27.689.000

#### Xử lý nước thải

Tổng lượng nước thải (tấn)	Tổng lượng nước thải được xử lý (m3)	Phương thức xử lý		
		Tự xử lý	Thuê xử lý	
			Tên nhà thầu	Thời hạn hợp đồng
19.382,30	19.382,30		CTCP Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp - Thương Mại Củ Chi	01/01/2024-31/12/2024

## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

### CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Bên cạnh việc duy trì các hoạt động sản xuất và kinh doanh bền vững, Công ty luôn chủ động triển khai các chương trình an sinh xã hội nhằm thúc đẩy bình đẳng, lan tỏa yêu thương và phát huy tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng. Thông qua những hoạt động này, Công ty mong muốn tạo ra các giá trị sống tích cực, không chỉ trong Công ty mà còn lan rộng ra toàn xã hội. Ngoài việc ủng hộ các quỹ an sinh xã hội định kỳ hàng năm, Công ty cũng tích cực tham gia vào các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ cộng đồng, với mục tiêu đóng góp vào sự phát triển chung và cải thiện chất lượng cuộc sống cho cán bộ nhân viên cũng như người dân địa phương

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện các công tác chăm lo đến đời sống người lao động và thực hiện công tác an sinh, xã hội như sau:

Ủng hộ 30.000.000 đồng vào Quỹ khuyến học của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Trao học bổng trị giá 5.600.000 đồng tại Công ty.

Hỗ trợ các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương.

Hỗ trợ các mái ấm tình thương và người già neo đơn.

Đóng góp vào quỹ xây dựng nông thôn mới.

Với những thành quả đã đạt được trong suốt những năm qua, Công ty cam kết duy trì và phát huy những thành tựu đó, không ngừng nỗ lực tạo ra giá trị cho khách hàng, đối tác, cộng đồng và xã hội, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT



Công ty cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và áp dụng các biện pháp cụ thể nhằm giảm thiểu nguy cơ tổn thất kinh tế và khiếu nại pháp lý trong suốt quá trình hoạt động sản xuất và kinh doanh. Các biện pháp này bao gồm:

**Giảm phát thải và kiểm soát chất thải:** Triển khai các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính và kiểm soát chặt chẽ chất thải trong toàn bộ quy trình sản xuất. Chất thải được xử lý đúng quy định, đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

**Tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế:** Thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường, bao gồm các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Các báo cáo môi trường luôn được Công ty thực hiện đầy đủ, chính xác và minh bạch, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý.

**Xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường:** Công ty đặc biệt chú trọng xây dựng và lan tỏa mạnh mẽ văn hóa bảo vệ môi trường trong toàn thể CBCNV, từ cấp lãnh đạo đến nhân viên, nhằm nâng cao nhận thức và khuyến khích mọi người cùng chung tay bảo vệ môi trường.

Những mục tiêu này không chỉ giúp Công ty duy trì hoạt động bền vững mà còn giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp lý về bảo vệ môi trường.



# BỀN BỈ - DẪN ĐẦU



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 58 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 62 Tình hình tài chính
- 64 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 66 Kế hoạch phát triển trong tương lai

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2024, kinh tế Việt Nam gặt hái nhiều thành tựu quan trọng, vượt qua các thách thức trong và ngoài nước. Theo Tổng cục Thống kê, GDP tăng 7,09% so với năm trước. Trong tổng mức tăng trưởng giá trị gia tăng, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, chiếm 45,17%; trong khi khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

**Ngành công nghiệp và xây dựng chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ**, đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo. Giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp trong năm 2024 tăng 8,32%, đóng góp 2,70 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo – lĩnh vực hoạt động chính của Công ty – đạt mức tăng 9,83%, đóng góp 2,49 điểm phần trăm.

Trong bối cảnh đó, quý IV/2024, Công ty ghi nhận doanh thu hơn 118 tỷ đồng, tăng 35,63% so với cùng kỳ năm trước. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ sản phẩm cao su, đặc biệt là băng tải. Ngoài ra, mảng thương mại hàng hóa cũng đóng góp đáng kể với hơn 13 tỷ đồng, cao hơn nhiều so với mức 1,5 tỷ đồng của năm 2023. Tính cả năm 2024, BERUBCO đạt doanh thu 419,05 tỷ đồng, tăng 26,13% so với năm trước, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 21,75 tỷ đồng, tăng 12,00%, trong bối cảnh chi phí nhân sự, nguyên vật liệu và khoản dự phòng gia tăng.



### KHÓ KHĂN

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục trên đà phục hồi sau đại dịch COVID-19, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang dần lấy lại sự ổn định. Tuy nhiên, những yếu tố bất lợi vẫn hiện hữu, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp. Đáng chú ý, cơn bão số 3 (Yagi) vào tháng 9/2024 đã tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng và quá trình sản xuất, khiến tăng trưởng công nghiệp có xu hướng chậm lại vào những tháng cuối năm. Cụ thể, tăng trưởng sản xuất công nghiệp từng quý so với cùng kỳ năm trước có sự chững lại: quý I/2024 tăng 5,9%; quý II/2024 tăng 9,9%; quý III/2024 tăng 9,3%; và quý IV/2024 tăng 7,9%.

Bên cạnh đó, áp lực chi phí đầu vào gia tăng đã ảnh hưởng đến biên lợi nhuận doanh nghiệp. Sự khan hiếm nguồn cung cao su toàn cầu do tác động của hiện tượng El Nino đã đẩy giá nguyên vật liệu lên cao, cùng với giá điện tăng cao, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Công ty trong năm 2024. Biên lợi nhuận gộp cả năm giảm nhẹ 1,96% so với năm 2023.

Thêm vào đó, sự phục hồi của một số ngành công nghiệp – vốn là đối tác chiến lược của Công ty – vẫn còn chậm và chưa đạt được sự bứt phá đáng kể. Năm 2024, chỉ số sản xuất của một số ngành chủ chốt tiếp tục suy giảm so với năm 2023, phản ánh những khó khăn trong nhu cầu thị trường và hoạt động khai thác. Cụ thể, ngành khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên ghi nhận mức giảm sâu 10,9%, trong khi ngành khai thác than cũng sụt giảm 5,5%. Những yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến nguồn cầu đối với sản phẩm của Công ty mà còn làm gia tăng áp lực cạnh tranh và chi phí vận hành trong chuỗi cung ứng.



### THUẬN LỢI

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được những thành tựu tích cực nhờ chính sách điều hành linh hoạt của Chính phủ, sự phối hợp đồng bộ giữa chính sách tiền tệ và tài khóa. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp năm 2024 ước tính tăng 8,4% so với năm trước (năm 2023 tăng 1,3%), phản ánh sự phục hồi của nhiều ngành sản xuất chủ chốt.

Tận dụng cơ hội phục hồi của các ngành công nghiệp trọng yếu như xi măng, phân bón, gia công cơ khí và khai thác đá, Công ty mở rộng đơn hàng băng tải, đáp ứng nhu cầu gia tăng từ các lĩnh vực này. Đồng thời, việc không ngừng cải tiến sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng đã Công ty củng cố niềm tin với khách hàng hiện tại, tạo tiền đề để thâm nhập vào các ngành mới như nhiệt điện, chế biến gỗ và thức ăn chăn nuôi. Điều này không chỉ giúp đa dạng hóa thị trường tiêu thụ mà còn gia tăng tiềm năng doanh thu trong tương lai.

Về quản lý nội bộ và chiến lược tài chính, Công ty đã áp dụng các biện pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động, tối ưu hóa quy trình sản xuất và kiểm soát chất lượng sản phẩm chặt chẽ hơn. Đồng thời, Công ty cũng chú trọng đến việc dự báo xu hướng giá cả thị trường, giúp chủ động trong quản lý nguồn cung nguyên vật liệu, hạn chế rủi ro từ biến động giá và đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.

Nhìn chung, mặc dù đối mặt với nhiều thách thức từ thị trường và chi phí sản xuất, Công ty vẫn có những cơ hội phát triển nhờ vào sự phục hồi của nền kinh tế, các mối quan hệ hợp tác chiến lược và tinh thần luôn thay đổi để thích nghi. Việc tận dụng tốt các lợi thế này sẽ giúp Công ty duy trì đà tăng trưởng trong thời gian tới.

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



#### CÔNG TÁC KINH DOANH

**Công ty đã chủ động tăng cường tìm kiếm và triển khai nhiều chính sách bán hàng linh hoạt** nhằm thu hút thêm khách hàng mới, đặc biệt là đối với các nhóm ngành trọng điểm mà Công ty đang phát triển. Các chính sách này bao gồm việc cải tiến chất lượng dịch vụ, tăng cường các chương trình ưu đãi và hỗ trợ khách hàng một cách tối ưu. Đặc biệt, Công ty đã đưa ra chính sách giá bán linh hoạt và phù hợp với từng nhóm sản phẩm và từng tỉnh

hướng cụ thể. Việc điều chỉnh giá bán được thực hiện sao cho đảm bảo chỉ tiêu doanh số và lợi nhuận mà Công ty đề ra, đồng thời vẫn duy trì sự cạnh tranh trên thị trường. Mục tiêu chính là duy trì mối quan hệ với khách hàng hiện tại mà còn mở rộng đối tượng khách hàng tiềm năng, từ đó tăng trưởng doanh thu và mở rộng sự hiện diện của Công ty trên thị trường.



#### CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

**Trong năm qua, Công ty đã theo dõi sát sao và tổ chức đào tạo cho công nhân mới**, giúp họ nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc, đồng thời sẵn sàng thay thế lực lượng lao động nghỉ việc, hạn chế gián đoạn tại các công đoạn quan trọng. Bên cạnh đó, việc đào tạo chuyên môn còn giúp giảm tỷ lệ lỗi sản phẩm, tối ưu hóa

thời gian sản xuất và nâng cao hiệu quả hoạt động chung của Công ty. Nhìn chung, công tác huấn luyện và đào tạo tại Công ty được triển khai một cách đồng bộ, không chỉ nhằm nâng cao tay nghề cho người lao động mà còn đảm bảo sự ổn định trong sản xuất.



#### VẤN ĐỀ TUÂN THỦ NỘI QUY, AN TOÀN, BHLĐ, PCCC VÀ VSCN

**Trong năm qua, công tác tuân thủ nội quy, an toàn lao động, bảo hộ lao động, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh công nghiệp** tại Công ty được thực hiện nghiêm túc và có nhiều cải thiện tích cực. Công ty đã chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan để bảo trì hệ thống chữa cháy, báo cháy tự động, đảm bảo hệ thống luôn hoạt động hiệu quả, sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp. Bên cạnh đó, các đợt kiểm tra định kỳ về an toàn vệ sinh công nghiệp và hệ thống phòng cháy chữa cháy được triển khai thường xuyên, giúp phát hiện và khắc phục kịp

thời các nguy cơ tiềm ẩn, góp phần nâng cao mức độ an toàn tại nơi làm việc.

**Việc duy trì quy trình làm việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp** đã mang lại kết quả đáng ghi nhận, khi trong năm không xảy ra bất kỳ tai nạn lao động nào. Điều này thể hiện sự cam kết của Công ty trong việc đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động.



#### CÔNG TÁC KỸ THUẬT

- Mở rộng đánh giá độ bám dính và độ cứng theo tiêu chuẩn ISO 17025:2017 (Vilas).
- Nghiên cứu, áp dụng công thức cao su mặt mới và công nghệ sản xuất băng tải gân tôn.
- Chuẩn hóa công nghệ sản xuất băng bida 3M để đưa vào sản xuất hàng loạt.
- Thay thế dầu PX-2 bằng dầu TOTM cho băng tải chịu nhiệt 1500°C, cường lực 20Mpa.
- Đưa vào sản xuất đại trà hai loại băng tải trơn và gân cường lực thấp 7Mpa.
- Áp dụng công thức pha chế cao su mặt mới cho băng tải 11Mpa xuất khẩu.
- Thay thế hóa chất PN760 bằng AN220 trong quy trình cán tráng băng tải lõi thép.



#### CÔNG TÁC SẢN XUẤT, BẢO TRÌ TẠI XƯỞNG

##### Về chất lượng

- Duy trì ổn định chất lượng băng tải, dây curoa, cao su kỹ thuật theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
- Đánh giá định kỳ hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm cao su kỹ thuật của East West năm 2023.
- Sản xuất băng tải Muhler, băng tải khổ lớn 1800mm, băng tải gân giá rẻ.
- Thành công triển khai sản xuất băng tải gân máy cán tôn và thử nghiệm băng bida 3M.
- Thực hiện đơn hàng phao chống tràn dầu cho thị trường Malaysia.
- Tiếp tục phát triển các sản phẩm cao su kỹ thuật xuất khẩu, bao gồm sản phẩm của East West, bida Super Speed, Johnson Wood...
- Xử lý hàng tồn kho dây curoa.

##### Về tình hình máy móc thiết bị và nhà xưởng

- Duy trì ổn định hệ thống thiết bị phục vụ sản xuất.
- Thay tấm thớt làm mát máy lưu hóa băng tải 6M.
- Sửa chữa máy ép 35-1 và 35-2 bị tét xi-lanh, khung dầm.
- Chế tạo thiết bị phụ trợ, bộ gá hỗ trợ sản xuất băng bida 3M.
- Bảo trì, thay phốt máy lưu hóa băng tải 2x3M.
- Cải tạo đường nước cung cấp cho hệ thống quạt phun sương courroie.
- Điều chỉnh lại trục vít khe hở trục máy cán hồ 75L.
- Chế tạo, lắp đặt bộ kéo khuôn TCB dày giúp thao tác dễ dàng, tăng năng suất lao động.
- Triển khai hệ thống màn hình hiển thị dữ liệu sản xuất, thúc đẩy chuyển đổi số trong nhà xưởng.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN

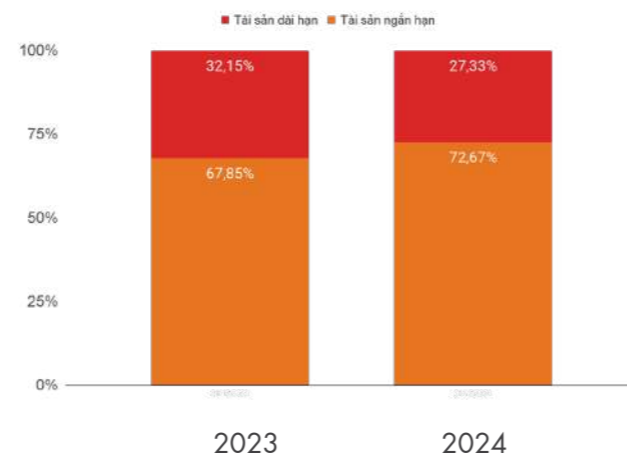
ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2023	Tỷ trọng năm 2023	31/12/2024	Tỷ trọng năm 2024	% Tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	197.175	67,85%	224.601	72,67%	13,91%
Tài sản dài hạn	93.435	32,15%	84.486	27,33%	(9,58%)
Tổng tài sản	290.610	100,00%	309.086	100,00%	6,36%

Tình hình tài sản (giá trị)



Tình hình tài sản (tỉ trọng)



Tính đến 31/12/2024, tổng tài sản của Công ty đạt 309,09 tỷ đồng, tăng 6,36% so với năm trước. Tăng trưởng chủ yếu đến từ tài sản ngắn hạn, chiếm hơn 70% tổng tài sản, tăng 13,91%, từ 197,18 tỷ đồng lên 224,60 tỷ đồng, phản ánh việc Công ty chuyển sang duy trì nguồn lực tài chính linh hoạt để phục vụ nhu cầu mở rộng kinh doanh. Trong khi đó, tài sản dài hạn giảm nhẹ từ 93,44 tỷ đồng xuống 84,36 tỷ đồng do khấu hao tài sản cố định.

### GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

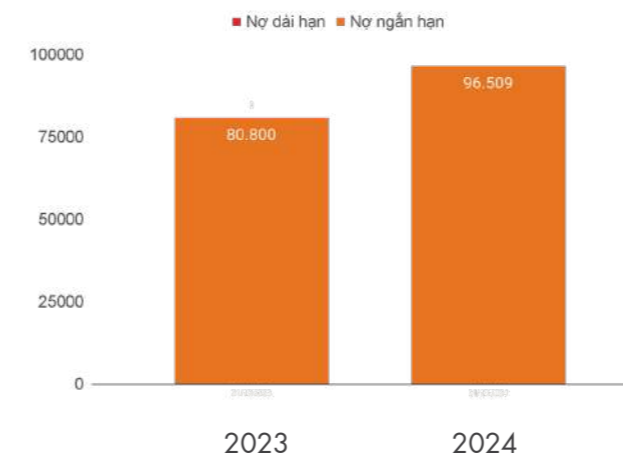
Không có

### TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

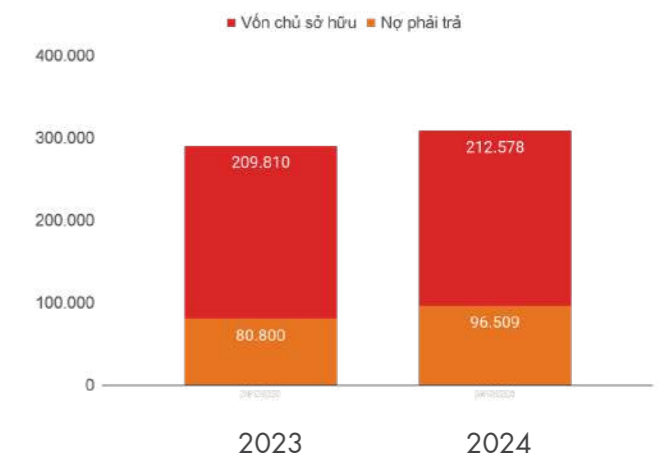
ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2023	Tỷ trọng năm 2023	31/12/2024	Tỷ trọng năm 2024	% Tăng giảm
Nợ phải trả	80.800	27,80%	96.509	31,22%	19,44%
- Nợ ngắn hạn	80.800	27,80%	96.509	31,22%	19,44%
- Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	209.810	72,20%	212.578	68,78%	1,32%
Tổng nguồn vốn	290.610	100,00%	309.086	100,00%	6,36%

Tình hình nợ phải trả (giá trị)



Tình hình tổng nguồn vốn (giá trị)



Trong năm vừa qua, Công ty không có nợ dài hạn tính đến 31/12/2024 và nợ ngắn hạn chiếm 31,19% tổng nguồn vốn, tăng 19,24% so với năm 2023. Sự gia tăng này chủ yếu là do tăng các khoản phải trả cho nhà cung cấp và khoản người mua trả trước. Đây là một phần trong chiến lược sử dụng nguồn tài chính linh hoạt từ cả nhà cung cấp và khách hàng của Công ty để đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất và bán hàng.

Tính đến 31/12/2024, vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 212,53 tỷ đồng, chiếm 68,7% tổng nguồn vốn, tăng 1,32% so với năm 2023. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ việc lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng so với năm trước. Đây là kết quả của nỗ lực phát triển kinh doanh trong năm qua. Phần lợi nhuận này sẽ được tái đầu tư vào các hoạt động kinh doanh, giúp tăng trưởng bền vững và gia tăng giá trị cho cổ đông.



# 1

### Công tác điều hành, sản xuất

Tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015: Công ty luôn duy trì và thực hiện nghiêm ngặt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, đảm bảo tất cả các phòng ban đều hoạt động theo quy trình chuẩn mực, giúp quá trình sản xuất ổn định và chất lượng sản phẩm đồng đều. Hơn nữa, phòng thí nghiệm của Công ty được vận hành theo hệ thống ISO 17025, mang lại độ chính xác và tin cậy cao trong kết quả kiểm nghiệm.

Kiểm soát chất lượng nguyên liệu và tiết kiệm năng lượng: Công ty thực hiện kiểm soát chặt chẽ định mức tiêu hao nguyên liệu và xây dựng kế hoạch tiết kiệm điện năng, than đá, qua đó giúp giảm thiểu chi phí sản xuất một cách hiệu quả, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động và bảo vệ môi trường

Quản lý chuỗi cung ứng nguyên vật liệu: Công ty đã xây dựng một mạng lưới các nhà cung cấp đáng tin cậy, duy trì mối quan hệ lâu dài với từ 3-4 nhà cung cấp cho mỗi loại nguyên vật liệu, đảm bảo tính ổn định trong nguồn cung, đặc biệt

trong bối cảnh biến động giá cao su. Điều này giúp Công ty duy trì giá mua hợp lý và nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành.

Lập kế hoạch sản xuất và bảo trì thiết bị: Công ty luôn xây dựng các lịch trình sản xuất phù hợp, đảm bảo tiến độ giao hàng chính xác. Công tác bảo trì và bảo dưỡng thiết bị được thực hiện định kỳ, kịp thời, giúp đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, từ đó không làm gián đoạn quá trình sản xuất.

Chú trọng an toàn lao động và bảo vệ môi trường: Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác an toàn lao động, vệ sinh và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình sản xuất. Các chính sách chăm lo đời sống cho cán bộ, nhân viên được triển khai hiệu quả, tạo động lực làm việc mạnh mẽ, giảm thiểu tình trạng nghỉ việc và giữ chân đội ngũ nhân sự tài năng, tâm huyết gắn bó lâu dài với Công ty.

lượng sản phẩm, giảm giá thành sản phẩm, và đặc biệt là giảm chi phí sản xuất cho khách hàng.

# 2

### Quản lý nguồn nhân lực

Tạo môi trường làm việc an toàn, xanh, sạch: Công ty luôn nỗ lực tạo ra một môi trường làm việc an toàn, hiện đại, và thân thiện với môi trường, giúp người lao động thoải mái làm việc, duy trì năng suất cao và tinh thần làm việc tích cực.

Đảm bảo việc làm ổn định: Công ty luôn chú trọng đến việc cung cấp việc làm ổn định và lương thưởng hợp lý cho người lao động, bảo vệ quyền lợi của họ và tạo ra sự gắn kết lâu dài với Công ty.

Chính sách lương thưởng hợp lý: Công ty xây dựng chính sách lương thưởng công bằng, nhằm ghi nhận những đóng góp xứng đáng của người lao động và tạo động lực làm việc hiệu quả. Công ty cũng đảm bảo đóng bảo hiểm xã hội, y tế, và thất nghiệp đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Lộ trình thăng tiến rõ ràng, công bằng: Công ty cung cấp lộ trình

thăng tiến minh bạch, công bằng, khuyến khích người lao động phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với sự phát triển bền vững của Công ty.

Khuyến khích đóng góp ý tưởng sáng tạo: Công ty luôn khuyến khích người lao động tham gia đóng góp ý tưởng sáng tạo, góp phần vào cải tiến quy trình sản xuất, tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu suất công việc, qua đó tăng doanh thu và thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty.

Hỗ trợ phúc lợi xã hội: Công ty đặc biệt chú trọng đến phúc lợi xã hội cho người lao động, bao gồm khám sức khỏe định kỳ và các phúc lợi khác, đảm bảo sức khỏe và đời sống tinh thần cho nhân viên, từ đó nâng cao môi trường làm việc lành mạnh.

# 3

### Nghiên cứu cải tiến, áp dụng khoa học kỹ thuật

Chú trọng sử dụng các kỹ thuật tiên tiến: Công ty luôn chú trọng áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong chế tạo máy móc và thiết bị phục vụ quá trình sơ chế mủ cao su thiên nhiên. Việc này giúp hạn chế tối đa sai sót kỹ thuật, nâng cao chất

# 4

### Công tác bán hàng, kinh doanh

Mở rộng mạng lưới truyền thông, quảng bá thương hiệu: Công ty tiếp tục mở rộng mạnh mẽ các kênh truyền thông để quảng bá thương hiệu, nhằm tạo dựng một Công ty vững mạnh và uy tín không chỉ tại thị trường nội địa mà còn vươn ra thị trường quốc tế. Đẩy mạnh tiêu thụ

trong nước: Công ty thực hiện các biện pháp tiêu thụ mạnh mẽ trong nước, đồng thời áp dụng các chính sách bán hàng linh hoạt để duy trì và tăng cường tiêu thụ tại thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tăng trưởng doanh thu.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

Mặc dù gặp phải một số khó khăn, hoạt động sản xuất công nghiệp vẫn có nhiều yếu tố thuận lợi, nhờ vào sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương. Trong thời gian qua, Chính phủ và các cơ quan liên quan đã triển khai nhiều chính sách kịp thời nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, giúp ổn định và phát triển sản xuất. Các chính sách này bao gồm việc giảm thuế VAT 2% cho doanh nghiệp và hệ sản xuất kinh doanh, giảm lãi suất vay, tháo gỡ khó khăn trong thị

trường bất động sản, từ đó thúc đẩy sự phát triển của ngành xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng. Các hoạt động xúc tiến đầu tư của Chính phủ, Bộ, ngành và địa phương cũng được thực hiện mạnh mẽ, bao gồm cả trong và ngoài nước, với việc ký kết và mở rộng một số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng sản xuất công nghiệp trong năm 2025.

Bên cạnh đó, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng quốc tế hiện nay mang đến một cơ hội lớn cho Việt Nam. Nếu tận dụng tốt lợi thế này và đẩy mạnh chuyển đổi số cũng như chuyển đổi xanh, Việt Nam có thể tạo đột phá trong tăng trưởng công nghiệp trong năm 2025 và các năm tiếp theo, đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế.

Trước triển vọng kinh doanh năm 2025, Ban Giám Đốc quyết tâm thực hiện các kế hoạch sau nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh cao nhất:

#### 1

**Duy trì và mở rộng mối quan hệ với khách hàng cũ, tìm kiếm khách hàng mới:**

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, việc duy trì và phát triển mối quan hệ với nhóm khách hàng cũ sẽ được Công ty đặc biệt chú trọng. Song song với đó, Công ty sẽ mở rộng thị trường và tìm kiếm khách hàng mới, nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững và nâng cao thị phần. Việc duy trì một lượng khách hàng ổn định kết hợp với mở rộng đối tượng khách hàng sẽ là chiến lược trọng tâm của Công ty trong giai đoạn sắp tới.

#### 2

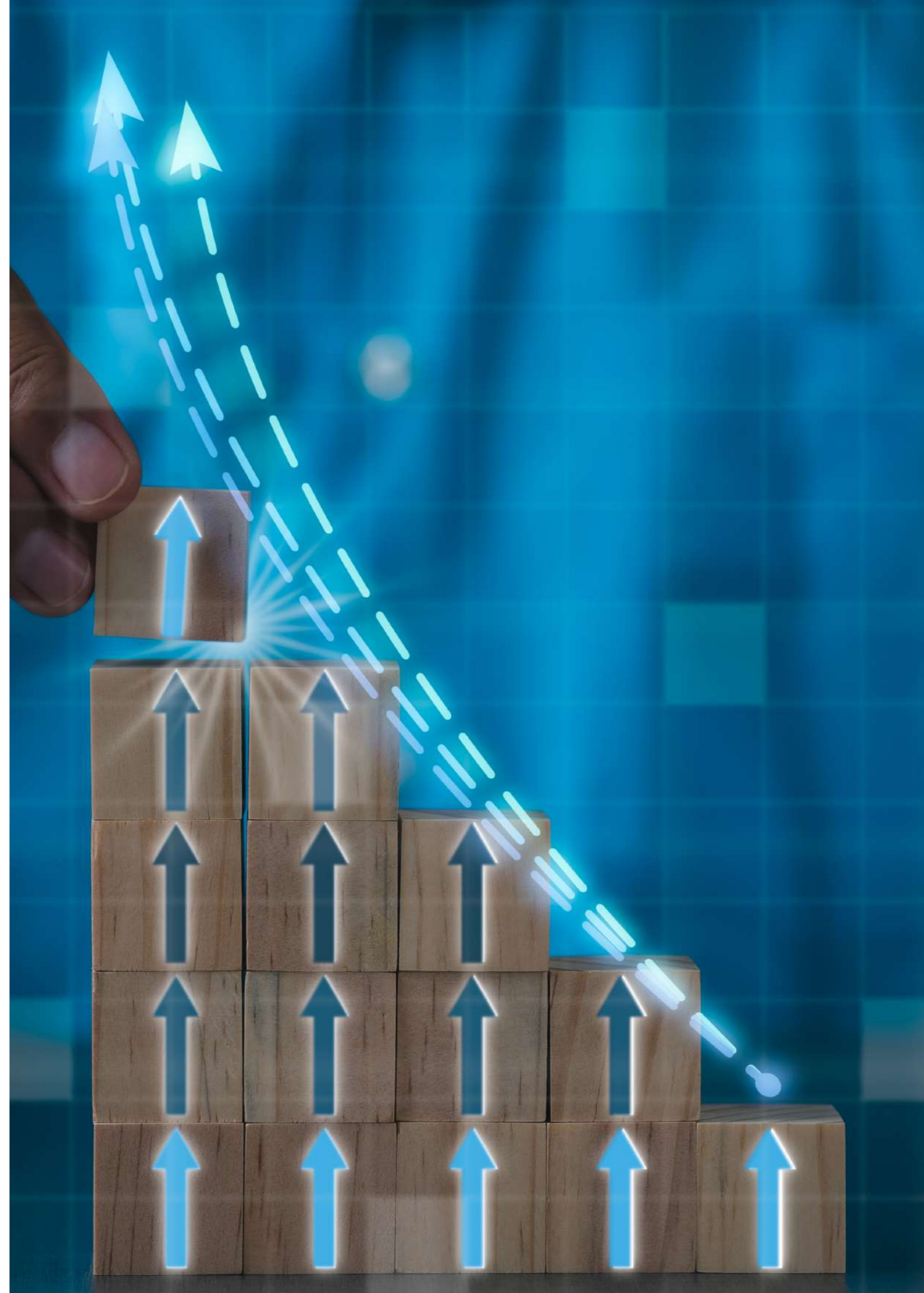
**Tăng cường chiến lược bán hàng, quảng bá sản phẩm:**

Các giải pháp bán hàng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng của Công ty. Công ty sẽ tiếp tục phát triển các chiến lược quảng bá, giới thiệu sản phẩm tại các thị trường hiện hữu và thị trường mới, nhờ đó chính sách bán hàng sẽ có sự linh hoạt hơn để nhanh chóng mở rộng thị phần khách hàng. Đẩy mạnh các chiến dịch marketing sẽ giúp Công ty tiếp cận được nhiều khách hàng tiềm năng, nâng cao nhận diện thương hiệu và thúc đẩy doanh số.

#### 3

**Tiết kiệm chi phí và tăng cường hiệu quả tài chính:**

Việc tiết giảm chi phí hoạt động và chi phí tài chính sẽ là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty, nhằm giảm thiểu biến động từ chi phí đầu vào và bảo vệ biên lợi nhuận. Đồng thời, Công ty cũng sẽ gia tăng hiệu quả và sự an toàn trong các hoạt động kinh doanh, đảm bảo sự phát triển bền vững trong dài hạn. Các biện pháp tối ưu hóa chi phí và cải thiện quản lý tài chính sẽ giúp Công ty duy trì sự ổn định tài chính và cạnh tranh tốt hơn trong thị trường.



# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	419.054	332.243
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	21.751	20.345

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025, tình hình kinh tế thế giới được dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều biến động, với những yếu tố không chắc chắn như chiến tranh thương mại, biến động chính trị và các vấn đề liên quan đến chuỗi cung ứng. Trong bối cảnh này, dự báo lạm phát sẽ được kiểm soát ở mức 3 - 4,5%, trong khi mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Quốc

hội đặt ra cho năm 2025 là khoảng 8,0% so với năm 2024. Trước những thách thức và cơ hội của năm mới, Công ty sẽ tiếp tục chủ động triển khai các giải pháp để tận dụng xu hướng phục hồi kinh tế và chuẩn bị sẵn sàng đối phó với các khó khăn tiềm tàng trong tương lai.



### CÔNG TÁC QUẢN LÝ

Công ty tiếp tục cải thiện cơ cấu tổ chức, tập trung vào việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý trong từng bộ phận:

- Tinh gọn bộ máy nhân sự, nâng cao hiệu quả làm việc và hợp tác giữa các bộ phận.
- Đánh giá công việc theo hiệu quả công việc để đo lường hiệu quả công việc của CBCNV, từ đó xây dựng chính sách khen thưởng hợp lý.
- Duy trì hợp giao ban xuống hàng tháng, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong sản xuất và tăng cường giám sát an toàn lao động, tránh tai nạn lao động.



### CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Công ty tiếp tục tuân thủ các quy chế tài chính và thực hiện đầy đủ các công tác quản lý nhằm đảm bảo sức khỏe tài chính của Công ty như:

- Tăng cường quản lý và thu hồi công nợ, giảm tối đa nợ quá hạn.
- Chuẩn bị hợp đồng mua hàng hóa và dịch vụ, đảm bảo sản xuất không bị gián đoạn.
- Theo dõi sát sao các chỉ số tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đầy đủ, đúng hạn.



### CÔNG TÁC BÁN HÀNG

- Tập trung tăng tiêu thụ sản phẩm cốt lõi: Băng tải lõi thép, lõi vải và dây courroie, bên cạnh đó tập trung phát triển sản phẩm Cao su kỹ thuật:
  - » Đối với thị trường trong nước: ưu tiên phát triển các dòng sản phẩm cao su kỹ thuật có giá cả cạnh tranh.
  - » Đối với thị trường nước ngoài: ưu tiên phát triển dòng sản phẩm cao su kỹ thuật có chất lượng kỹ thuật cao, phục vụ cho các ngành công nông nghiệp, đủ sức cạnh tranh kể cả các thị trường khó tính như Nhật, Mỹ,...
- Đẩy mạnh việc chào bán thanh cao su đệm bàn bida phăng đến các khách hàng trong nước.
- Tiếp tục tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước ở các ngành như Khai thác Than, Xi măng, đồng thời tạo được sự quan tâm của các đối tác có mặt trong buổi hội chợ.
- Tìm kiếm thông tin mở rộng mạng lưới khách hàng, đặc biệt là các khách hàng thuộc các ngành như; Ngành khai thác Than; Ngành Xi măng; Ngành Phân bón; Ngành sản xuất lúa gạo;
- Duy trì chăm sóc tốt khách hàng truyền thống và giữ vững thị trường trong ngành Khai thác Than và Xi măng. Đặc biệt là mở rộng khách hàng nước ngoài vì đây là thị trường tiềm năng chưa được khai thác hết.
- Tiếp tục duy trì quảng bá hình ảnh trên Google Search; email marketing; báo điện tử; trang Web của Công ty để quảng bá phát triển thương hiệu và tăng số lượng khách hàng trong nước và ngoài nước.
- Quảng bá hình ảnh trên mạng điện tử Linked In để tiếp cận được nhiều khách hàng hơn.
- Đặc biệt là tiếp tục quảng cáo sản phẩm băng tải cáp thép ra thị trường phía Bắc, tiếp cận những khách hàng nhỏ để có cơ hội xâm nhập vào những khách hàng với quy mô lớn.
- Duy trì tốt quan hệ với khách hàng truyền thống và giữ vững thị trường trong ngành than và xi măng.
- Tiếp tục tham gia các chương trình sản phẩm tiêu biểu, doanh nghiệp tiêu biểu, doanh nghiệp phát triển bền vững (CSI) để nâng cao giá trị thương hiệu của Công ty.



### GIẢI PHÁP KẾ HOẠCH - VẬT TƯ

Nhận thấy sự biến động của giá nguyên vật liệu trong năm 2024, trong năm 2025, Công ty sẽ tiếp tục theo dõi sát sao tình hình thị trường và cập nhật nhu cầu sản xuất của Công ty để xây dựng kế hoạch đặt hàng phù hợp, tránh tình trạng lãng phí. Các mục tiêu trọng tâm bao gồm:

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời các vật tư phục vụ bảo trì, bảo dưỡng máy móc.
- Đảm bảo các yêu cầu về chất lượng từ Ban quản lý chất lượng được thực hiện nghiêm túc.
- Cung cấp đầy đủ thông số kỹ thuật đi kèm hàng hóa nhập kho để làm cơ sở cho các bộ phận xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật nguyên liệu đầu vào.
- Tăng cường việc dự báo thị trường, lập kế hoạch đơn hàng để đáp ứng nhu cầu sản xuất và đảm bảo tiến độ giao hàng chính xác và kịp thời.



### CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

Công ty tiếp tục triển khai các giải pháp chuyển đổi số, áp dụng công nghệ mới trong quá trình sản xuất và quản lý hoạt động kinh doanh. Cụ thể, trong năm 2025, Công ty sẽ tiếp tục:

- Áp dụng phần mềm quản lý sản xuất để cải thiện hiệu suất và tối ưu hóa quy trình.
- Đầu tư vào hệ thống giám sát thời gian và quy trình cán luyện kết hợp với mã vạch để theo dõi quy trình sản xuất.
- Số hóa các biểu mẫu, thông số sản xuất và tạo vùng chia sẻ dữ liệu dùng chung, giúp tăng cường kết nối và quản lý thông tin hiệu quả giữa các bộ phận.
- Những giải pháp trên sẽ giúp Công ty duy trì sự phát triển bền vững, tối ưu hóa hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

# BỀN BỈ - DẪN ĐẦU



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 72 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 74 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành
- 75 Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

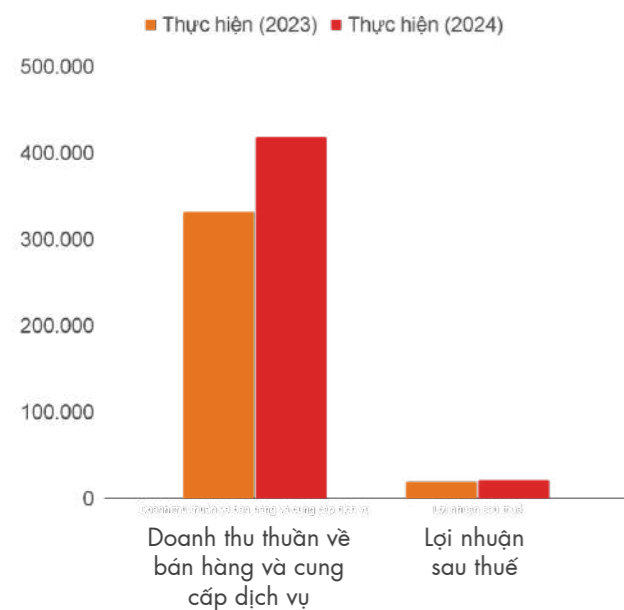
## 1

### Hiệu quả về hoạt động sản xuất kinh doanh

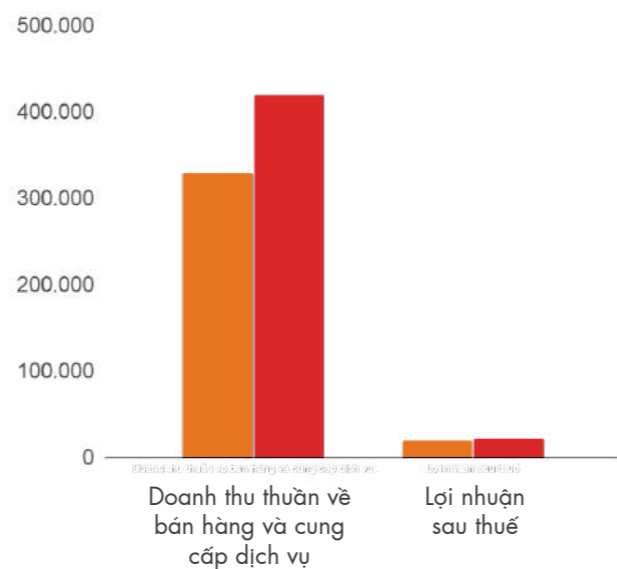
Trong năm 2024, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng với Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ vượt 422,01 tỷ đồng, vượt xa mục tiêu 329,93 tỷ đồng với tỷ lệ hoàn thành lên đến 127,91%. Mặc dù đối mặt với không ít thử thách, đặc biệt là sự tăng giá nguyên liệu đầu vào, HĐQT đánh giá cao nỗ lực bền bỉ của toàn thể Công ty trong việc duy trì sự tăng trưởng ổn định. Lợi nhuận sau thuế đạt 21,75 tỷ đồng, hoàn

thành vượt 110,83% so với chỉ tiêu đã đề ra. Thành công này không chỉ nhờ vào sự phục hồi tích cực của nền kinh tế mà còn do sự nhạy bén của Ban điều hành trong việc theo sát diễn biến thị trường và đưa ra các chiến lược phù hợp. Bên cạnh đó, kết quả này còn phản ánh sự tin tưởng của khách hàng, mối quan hệ bền chặt với các nhà cung cấp và sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận trong Công ty.

Hiệu quả về hoạt động sản xuất kinh doanh so với thực hiện năm 2023



Hiệu quả về hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch năm 2024



## 2

### Về chăm lo đời sống cho người lao động

Công ty luôn chú trọng đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Các chế độ lương thưởng được Công ty thiết kế hợp lý, công bằng và dựa trên hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, Công ty còn cung cấp các phúc lợi như khám sức khỏe định kỳ, tổ chức các kỳ nghỉ dưỡng CBCNV. Các chính sách này giúp người lao động yên tâm làm việc, từ đó đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Công ty.

## 3

### Về thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước. Công tác thuế và các khoản nộp cho nhà nước được thực hiện đúng quy định pháp luật, đảm bảo sự minh bạch và trách nhiệm trong việc đóng góp vào ngân sách quốc gia.

## 4

### Về chấp hành pháp luật

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật liên quan đến ngành nghề hoạt động của mình. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, tuân thủ các quy chuẩn môi trường và an toàn lao động. Điều này không chỉ giúp Công ty duy trì hoạt động sản xuất an toàn, hiệu quả mà còn nâng cao uy tín trên thị trường.

## 5

### Về an sinh xã hội

Năm vừa qua, Công ty tiếp tục duy trì và phát triển các hoạt động an sinh xã hội, nhằm đóng góp tích cực vào sự phát triển của cộng đồng. Công ty tham gia tài trợ cho các chương trình xã hội, đồng thời triển khai các sáng kiến bảo vệ môi trường như giảm thiểu chất thải và tiết kiệm năng lượng. Những hoạt động này giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương và góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



HDQT đã chỉ đạo Ban Điều hành tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, và các quy chế nội bộ, nhằm giảm thiểu rủi ro pháp lý và nhanh chóng sửa chữa những thiếu sót trong quá trình điều hành sản xuất, kinh doanh, đồng thời bảo vệ quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan.

Trong năm vừa qua, Ban Điều hành đã thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với HDQT, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thông qua các cuộc họp định kỳ, Ban Tổng Giám đốc luôn cung cấp thông tin về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh cho HDQT. Dựa trên đó, HDQT đã có những chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ quá trình điều hành của Ban Tổng Giám đốc để đảm bảo việc thực hiện các Nghị quyết định và Quyết định của ĐHĐCĐ, HDQT.

Ban Điều hành đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định pháp luật trong việc lập và công bố các báo cáo tài chính quý và năm. Tổng Giám đốc và Ban Điều hành luôn nỗ lực vượt qua khó khăn, theo dõi sát thị trường và nâng cao năng lực điều hành, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ đề ra.

**Trong năm 2024, Ban Điều hành đã chủ động triển khai các chiến lược linh hoạt, áp dụng các biện pháp tối ưu hóa chi phí, cải thiện hiệu quả sản xuất, và duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận, giúp Công ty vượt qua thử thách và đạt được kết quả kinh doanh tích cực. Ban Điều hành đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, thực hiện hiệu quả các Nghị quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ và HDQT. Ban Tổng Giám đốc cũng chỉ đạo, định hướng, giám sát Công ty trong việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp lý, chăm lo đời sống cho cán bộ nhân viên, và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với cổ đông, tạo nền tảng niềm tin vững chắc để Công ty chuyển mình trong những năm tiếp theo.**

## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trước sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2024 và định hướng tập trung vào phát triển kinh tế của Chính phủ cho năm 2025, dự báo thời gian tới sẽ là giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ của các hoạt động sản xuất công nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh những triển vọng tích cực từ thị trường, Công ty cũng sẽ đối mặt với không ít yếu tố rủi ro khó lường từ các yếu tố bên ngoài, tác động đến hoạt động sản xuất và kết quả kinh doanh. Vì vậy, năm 2025 tiếp tục sẽ là một năm đầy biến động và thách thức. Với quyết tâm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển ở mức cao nhất, HDQT đã đề ra mục tiêu và giải pháp cụ thể để đảm bảo thành công:



### Về hoạt động của Hội đồng quản trị

HDQT sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo mọi hoạt động điều hành được thực hiện minh bạch và tuân thủ đúng quy trình.

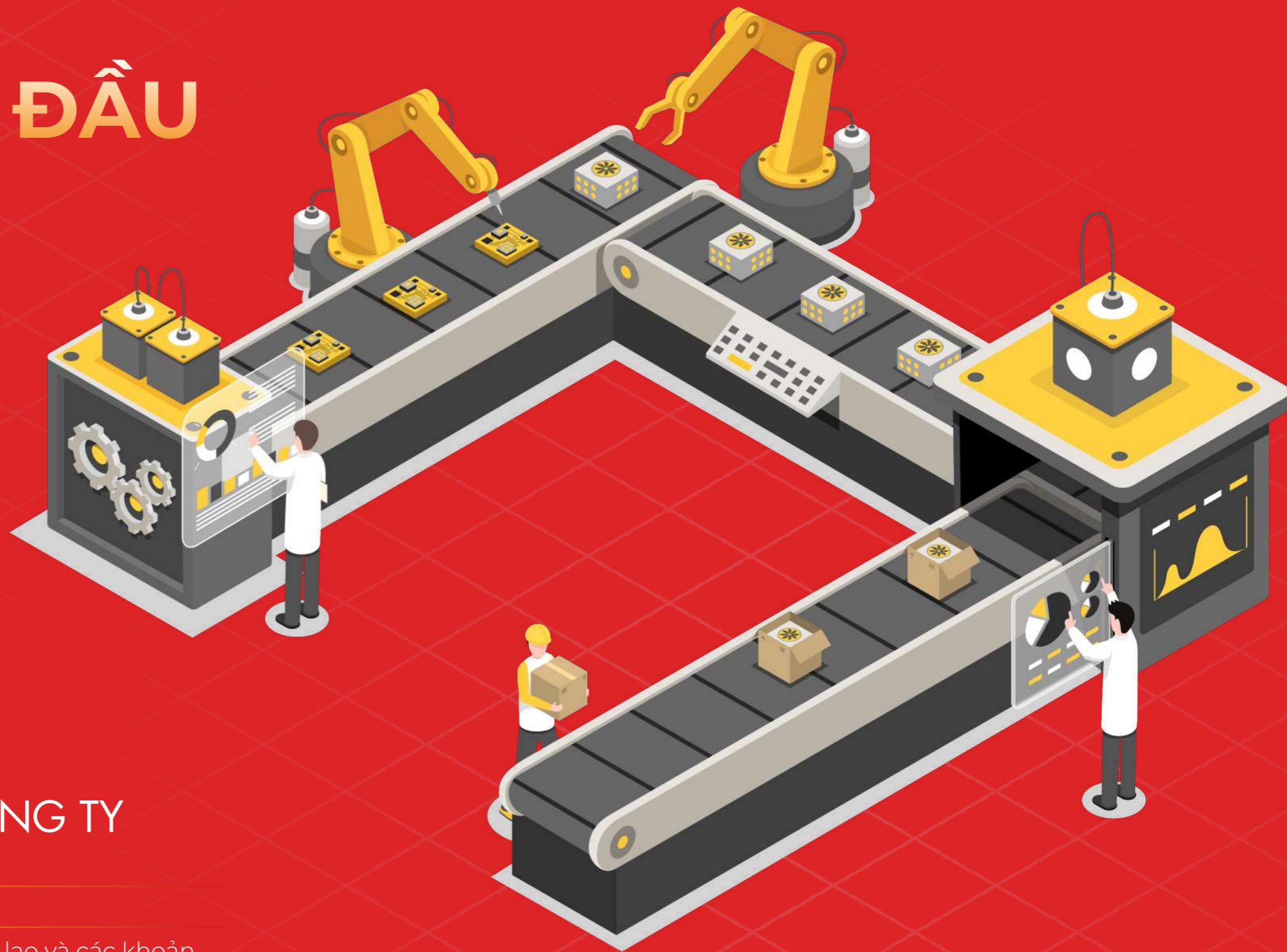
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo mọi hoạt động điều hành được thực hiện minh bạch và tuân thủ đúng quy trình
- Đặt lợi ích của cổ đông và các bên liên quan làm ưu tiên hàng đầu, đảm bảo các quyết định của Công ty luôn mang lại lợi ích tối đa cho tất cả các bên.
- Đảm bảo các cuộc họp của HDQT được thực hiện đầy đủ theo định kỳ, qua đó kịp thời nắm bắt và giám sát tình hình kinh doanh của Công ty để chỉ đạo và đưa ra quyết định đúng đắn, cam kết hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ giao phó.
- Tiếp tục hoàn thiện và triển khai công tác kiểm toán nội bộ đúng theo các quy định pháp luật hiện hành, giúp đảm bảo tính minh bạch trong quản lý tài chính và hoạt động Công ty.



### Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành trong việc triển khai các giải pháp quản trị và kiểm soát hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng tháng và quý. Chủ động triển khai các giải pháp điều hành một cách kịp thời và linh hoạt, giúp Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- Theo dõi sát sao tình hình thị trường, từ đó đưa ra các giải pháp về tiêu thụ, tồn kho, giá bán, và các yếu tố khác để giảm thiểu gián đoạn nguồn cung và sản xuất, duy trì chất lượng sản phẩm và bảo vệ các nghĩa vụ với các bên liên quan. Đồng thời, chú trọng đến công tác quản trị tài chính và quản trị chi phí nhằm tối ưu hóa nguồn lực, giảm thiểu lãng phí và nâng cao hiệu quả hoạt động trên toàn Công ty.
- Tiếp tục duy trì mối quan hệ với khách hàng hiện tại để giữ vững thị trường hiện có, đồng thời tìm kiếm thêm cơ hội xuất khẩu và phát triển các thị trường tiềm năng trong nước. Cụ thể Công ty sẽ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, phát huy hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao chất lượng và sản lượng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.
- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo chuyên môn, nâng cao trình độ kỹ thuật, đồng thời tuyển dụng nhân lực có trình độ và kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu của Công ty trong việc phát triển các sản phẩm yêu cầu hàm lượng chất xám cao và tay nghề tốt. Các chính sách về lương, thưởng và phúc lợi sẽ được thiết kế phù hợp, nhằm thu hút và giữ chân các nhân tài trong ngành.

# BỀN BỈ - DẪN ĐẦU



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 78 Hội đồng quản trị
- 84 Ban Kiểm soát
- 86 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Minh Đoan	Chủ tịch HĐQT	CN: 0 ĐD: 4.189.408	CN: 0 ĐD: 33,85
2	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	CN: 16.698 ĐD: 1.856.250	CN: 0,13 ĐD: 15,00
3	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT không điều hành	CN: 0 ĐD: 2.457.587	CN: 0 ĐD: 19,86
4	Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT độc lập	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
5	Nguyễn Nho Lương	Thành viên HĐQT không điều hành	CN: 0 ĐD: 2.310.000	CN: 0 ĐD: 18,67

### CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty không thành lập các tiểu ban

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Minh Đoan	Chủ tịch HĐQT	01/04	25%	Bỏ nhiệm 28/10/2024
2	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	04/04	100%	
3	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT không điều hành	04/04	100%	
4	Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT độc lập	04/04	100%	
5	Nguyễn Nho Lương	Thành viên HĐQT không điều hành	01/04	25%	Bỏ nhiệm 20/06/2024

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Nội dung và kết quả các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	494/NQ-HĐQT	19/02/2024	Nghị quyết về việc bổ sung mục tiêu, điều chỉnh quy mô và tăng vốn đầu tư dự án
2	495/NQ-HĐQT	11/3/2024	Nghị quyết Hội đồng quản trị quý IV/2023
3	497/QĐ-HĐQT	20/3/2024	Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2023
4	498/QĐ-HĐQT	20/3/2024	Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý năm 2023
5	499/QĐ-HĐQT	20/3/2024	Quyết định về phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2024
6	500/QĐ-HĐQT	20/3/2024	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2024
7	501/NQ-HĐQT	25/3/2024	Nghị quyết về việc thống nhất thỏa thuận bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
8	502/NQ-HĐQT	25/3/2024	Nghị quyết về việc thống nhất thỏa thuận nhân sự giới thiệu tham gia Ban Kiểm soát, ứng cử giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành nhiệm kỳ 2022-2027
9	503/NQ-HĐQT	25/3/2024	Nghị quyết về việc thống nhất thỏa thuận bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
10	507/NQ-HĐQT	25/4/2024	Về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
11	510/NQ-HĐQT	20/5/2024	Nghị quyết Hội đồng quản trị quý I/2024



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
12	522/NQ- ĐHĐCĐ	20/6/2024	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
13	524/NQ-HĐQT	21/6/2024	Nghị quyết về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Sài Gòn
14	525/QĐ-HĐQT	27/6/2024	Quyết định về việc chọn đơn vị kiểm toán năm 2024
15	526/NQ-HĐQT	27/6/2024	Nghị quyết Hội đồng quản trị quý II/2024
16	527/QĐ-HĐQT	03/7/2024	Quyết định về việc khen thưởng năm 2023
17	528/QĐ-HĐQT	15/7/2024	Quyết định điều chỉnh mức lương đối với Người quản lý Công ty
18	529/QĐ-HĐQT	18/7/2024	Quyết định về việc chọn ngày đăng ký cuối cùng và ngày thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
19	533/NQ-HĐQT	20/8/2024	Nghị quyết thống nhất chủ trương điều động, cử làm Người đại diện vốn Tập đoàn, giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị, ứng cử giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành nhiệm kỳ 2022-2027
20	534/NQ-HĐQT	23/8/2024	Nghị quyết thống nhất điều động, cử làm Người đại diện vốn Tập đoàn, giới thiệu tham gia HĐQT, ứng cử giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT chuyên trách Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành nhiệm kỳ 2022-2027
21	536/NQ-HĐQT	04/9/2024	Nghị quyết về việc tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024
22	537/NQ-HĐQT	13/9/2024	Nghị quyết về việc xếp loại Người quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành năm 2023
23	540/NQ-HĐQT	30/9/2024	Quyết định về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
24	541/QĐ-HĐQT	01/10/2024	Quyết định về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
25	545/NQ-HĐQT	28/10/2024	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024
26	546/NQ-HĐQT	28/10/2024	Nghị quyết về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành nhiệm kỳ 2022-2027
27	547/QĐ-HĐQT	28/10/2024	Quyết định về việc thôi giao nhiệm vụ Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
28	548/QĐ-HĐQT	28/10/2024	Quyết định về việc bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
29	550/QĐ-HĐQT	12/11/2024	Quyết định ban hành Quy chế về việc lựa chọn nhà thầu trong mua sắm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên tại Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
30	552/NQ-HĐQT	20/11/2024	Nghị quyết Hội đồng quản trị Quý 3 năm 2024
31	553/QĐ-HĐQT	25/11/2024	Quyết định xếp lương Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
32	554/QĐ-HĐQT	25/11/2024	Quyết định xếp lương Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
33	555/QĐ-HĐQT	25/11/2024	Quyết định xếp lương Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
34	557/NQ-HĐQT	19/12/2024	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương và ký kết các Hợp đồng giao dịch giữa Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành với "Người có liên quan" trong năm 2024
35	559/NQ-HĐQT	19/12/2024	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương và ký kết các Hợp đồng giao dịch giữa Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành với "Người có liên quan" năm 2025

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong năm 2024, các thành viên HĐQT độc lập đã tích cực tham gia các phiên họp HĐQT, đóng góp ý kiến quan trọng vào chiến lược phát triển và hoạt động của Công ty. Thành viên HĐQT độc lập chủ động trao đổi về các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh và định hướng phát triển trong từng lĩnh vực hoạt động, đồng thời đưa ra các đề xuất, giải pháp chuyên môn, giúp đảm bảo các quyết định phù hợp với mục tiêu kinh doanh của Công ty.

#### Kết quả đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT trong năm 2024:

- 1** Công tác giám sát, quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và Công ty.
- 2** HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường, ban hành các Nghị quyết và Quyết định quan trọng liên quan đến công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh và kiện toàn bộ máy nhân sự của Công ty. Tất cả các Nghị quyết và Quyết định được ban hành đều hợp lệ, đúng thẩm quyền và tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty.
- 3** HĐQT đã thường xuyên giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh được ĐHCĐ thường niên năm 2024 thông qua, đảm bảo các mục tiêu đã đề ra được hoàn thành đúng tiến độ và hiệu quả.
- 4** HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ và vai trò của mình với sự minh bạch và tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

### DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

Các thành viên HĐQT thường xuyên tham gia các chương trình quản trị Công ty để nâng cao năng lực quản lý, cập nhật kiến thức và nắm bắt xu hướng quản trị tiên tiến, qua đó đóng góp tích cực vào hoạt động của Công ty. Công ty nhận thức rõ vai trò quan trọng của đội ngũ lãnh đạo và luôn chú trọng công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị, góp phần vào sự phát triển bền vững và hiệu quả của tổ chức.



## BAN KIỂM SOÁT

### THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Quốc Vương	Trưởng BKS	CN: 300 ĐD: 0	CN: 0,0024 ĐD: 0
2	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
3	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

#### Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Trong năm 2024, BKS đã chủ động tăng cường công tác kiểm tra và phối hợp chặt chẽ với các bộ phận liên quan để rà soát, đánh giá quá trình quản trị và điều hành Công ty. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế Công ty, BKS đã triển khai và thực hiện các công việc sau:

- 1** BKS tiến hành triển khai và thực hiện nghiêm túc việc giám sát, kiểm tra việc tuân thủ điều lệ của Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT.
- 2** Kiểm tra giám sát theo kế hoạch đã đề ra, giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của Công ty, phản ánh những kết quả đã đạt được cũng như những nội dung cần lưu ý, khắc phục và hoàn thiện trong hoạt động và công tác quản trị của Công ty, các báo cáo của BKS đều được gửi đến HĐQT và Ban tổng giám đốc Công ty.
- 3** Thực hiện xem xét, thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm của Công ty để góp phần hạn chế các sai sót trong khâu tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, tuân thủ yêu cầu về tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và cẩn trọng.

#### Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

BKS luôn được HĐQT, BTGD tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Cụ thể, BKS được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban hàng tháng của BTGD và các bộ phận liên quan, đã tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động sản xuất, hoạt động tài chính, chính sách bán hàng và thu hồi công nợ, phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ của Công ty, các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty.

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

#### Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Quốc Vương	Trưởng BKS	01/04	25%	Bổ nhiệm ngày 28/10/2024
2	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	04/04	100%	
3	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	04/04	100%	

#### Nội dung và kết quả của các cuộc họp

BKS đã tổ chức 04 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	27/02/2024	<ul style="list-style-type: none"><li>Kiểm soát tình hình hoạt động quý 4/2023 và cả năm 2023.</li><li>Bàn bạc các nội dung cần thiết đưa vào báo cáo BKS năm 2023 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;</li><li>Xây dựng kế hoạch và phương hướng hoạt động của BKS trong năm 2024.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Các thành viên đã nhất trí 100%:</li><li>Biên bản làm việc và báo cáo trình HĐQT</li><li>Thống nhất các nội dung cần thiết đưa vào Báo cáo năm 2023 của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2024, phương hướng hoạt động của BKS năm 2024.</li></ul>
2	06/05/2024	<ul style="list-style-type: none"><li>Thẩm định BCTC năm 2023.</li><li>Rà soát và thống nhất các nội dung trong báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.</li><li>Kiểm soát tình hình hoạt động quý 1/2024.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Các thành viên đã nhất trí 100%:</li><li>Biên bản làm việc và báo cáo trình HĐQT</li><li>Thống nhất hoàn thiện Báo cáo năm 2023 của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2024, phương hướng hoạt động của BKS năm 2024.</li><li>Kế hoạch làm việc cụ thể của BKS trong năm 2024.</li><li>Báo cáo kiểm soát quý 1/2024 trình HĐQT.</li></ul>
3	01/08/2024	<ul style="list-style-type: none"><li>Về việc kiểm soát tình hình hoạt động quý 2/2024 và 6 tháng đầu năm 2024.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>BKS đã làm việc và đã thống nhất 100% kết quả làm việc trong biên bản, trình báo cáo cho HĐQT.</li><li>Báo cáo tình hình hoạt động 6 tháng năm 2024 cho Tập đoàn CN Cao su Việt Nam.</li></ul>
4	30/10/2024	<ul style="list-style-type: none"><li>Kiểm soát tình hình thanh toán công nợ, tình hình sản xuất kinh doanh quý 3/2024 + lũy kế 9 tháng đầu năm 2024.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Sau khi làm việc, các thành viên trong ban đã nhất trí 100% và đã có báo cáo chi tiết cụ thể gửi HĐQT, trong đó nêu sơ bộ kết quả của các nội dung kiểm soát, kiến nghị, các nội dung trong báo cáo.</li></ul>

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

DVT: Đồng

STT	Thành viên	Chức vụ	Thù lao và thu nhập	Ghi chú
STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập và thù lao	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Đoan	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	Bổ nhiệm ngày 28/10/2024
2	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	48.000.000	
3	Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT	48.000.000	
4	Nguyễn Nho Lương	Thành viên HĐQT	25.333.000	Bổ nhiệm ngày 20/06/2024
5	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	733.000.000	
6	Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	524.000.000	
7	Huỳnh Văn Thê	Phó Tổng Giám đốc	114.000.000	Bổ nhiệm ngày 01/10/2024
8	Nguyễn Quốc Vương	Trưởng BKS	49.000.000	Bổ nhiệm ngày 28/10/2024
9	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	30.000.000	
10	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	30.000.000	
11	Dương Hoài Trinh	Kế toán trưởng	74.000.000	Bổ nhiệm ngày 28/10/2024
12	Diệp Xuân Trường	Chủ tịch HĐQT	50.000.000	Miễn nhiệm ngày 28/10/2024
13	Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT	22.667.000	Miễn nhiệm ngày 20/06/2024
14	Dương Hoài Trinh	Trưởng BKS	349.000.000	Miễn nhiệm ngày 28/10/2024
15	Huỳnh Ngọc Sơn	Kế toán trưởng	349.000.000	Miễn nhiệm ngày 28/10/2024
16	Huỳnh Thị Thao	Thư ký HĐQT	30.000.000	
<b>Tổng</b>			<b>2.596.000.000</b>	

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có.

### GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT

Không có.

### HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Tên	Mối quan hệ liên quan với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Cổ đông lớn	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2024	490/NQ-HĐQT ngày 25/12/2023 và 557/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Mua hàng hoá: 29.518.011.600 đồng
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị	Tổ chức có liên quan	KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 243.097.200 đồng
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Tổ chức có liên quan	KCN Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 107.550.000 đồng
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	Tổ chức có liên quan	Số 1 Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, Gia Lai.	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 892.532.520 đồng
Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy	Tổ chức có liên quan	Thôn 02, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 129.301.920 đồng
Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	Tổ chức có liên quan	639 Phan Đình Phùng, Phường Duy Tân, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 263.023.200 đồng
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	Tổ chức có liên quan	Tổ 2, Ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 58.093.200 đồng
Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	Tổ chức có liên quan	Xã Hiệp Thạnh, Huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 145.767.600 đồng

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Tên	Mối quan hệ liên quan với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	Tổ chức có liên quan	Khu phố Ninh Thuận, Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 87.674.400 đồng
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà	Tổ chức có liên quan	Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 203.646.960 đồng
Công ty TNHH Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng	Tổ chức có liên quan	Khu phố 4A Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 147.906.000 đồng
Công ty TNHH Cao su Bình Long	Tổ chức có liên quan	Quốc lộ 13, Phường Hưng Chiến, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 286.260.480 đồng
Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa	Tổ chức có liên quan	Quốc lộ 56, xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 52.604.640 đồng
Công ty Cổ phần Cao su Chư Sê	Tổ chức có liên quan	420 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 64.650.960 đồng
Công ty Cổ phần Cao su Hoà Bình	Tổ chức có liên quan	Ấp 7, xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 17.748.720 đồng
Công ty TNHH MTV Cao su Ea Hleo	Tổ chức có liên quan	Số 499 đường Giải Phóng, Thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 157.813.920 đồng

### HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Tên	Mối quan hệ liên quan với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	Tổ chức có liên quan	Xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	Năm 2024		Bán hàng hoá và dịch vụ: 266.230.800 đồng
CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên	Cổ đông lớn	604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2024	490/NQ-HĐQT ngày 25/12/2023 và 557/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ: 16.053.482.260 đồng
Cộng					48.696.396.380 đồng

### ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn cam kết xây dựng và duy trì một hệ thống quản trị Công ty hiệu quả, tuân thủ các thông lệ quản trị tốt nhất và tiếp cận với chuẩn mực quốc tế. Hệ thống quản trị này không chỉ là nền tảng vững chắc giúp Công ty phát triển bền vững mà còn góp phần giảm thiểu rủi ro, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện danh tiếng và gia tăng khả năng tiếp cận thị trường vốn, từ đó tối đa hóa lợi ích cho các bên liên quan.

### GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

#### Quản trị nhân sự:

Mục tiêu của Công ty là tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả làm việc giữa các bộ phận, thúc đẩy sản xuất và kinh doanh.

- Rà soát, đánh giá hiệu quả quản trị nhân sự, cơ cấu lại nguồn nhân lực tại các phòng ban chức năng và bộ phận nhằm tối ưu hóa hiệu quả công việc.
- Ứng dụng công nghệ trong quản lý nhân sự, từ khâu tuyển dụng, đào tạo đến đánh giá hiệu suất, nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý và tối ưu hóa năng lực làm việc của đội ngũ nhân viên.

#### Quản trị chất lượng sản phẩm:

Công ty đặt mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín của thương hiệu.

- Tiếp tục duy trì và phát huy hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, áp dụng các phương pháp tiên tiến trong sản xuất, nâng cao năng suất lao động và đảm bảo chất lượng sản phẩm đồng đều, hiệu quả.
- Cập nhật, sửa đổi và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của các đơn vị sản xuất, điều chỉnh các quy trình để đáp ứng kịp thời với các tiêu chuẩn hiện hành và xu hướng thị trường.



Công ty luôn thực hiện kiểm tra và đánh giá các thay đổi về quy phạm pháp luật, đảm bảo mọi hoạt động quản trị được minh bạch, chính xác và tuân thủ pháp lý. Công ty cam kết cải tiến liên tục hệ thống quản trị để đáp ứng yêu cầu thay đổi của thị trường và pháp luật, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài.

# BỀN BỈ - DẪN ĐẦU



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

92 Báo cáo tài chính kiểm toán

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103006483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301150295 ngày 08 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Đoan	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 28/10/2024
Ông Diệp Xuân Trường	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 28/10/2024
Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên	
Ông Văn Trọng Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Nho Lương	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2024
Ông Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 20/06/2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Văn Thê	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/10/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Vương	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 28/10/2024
Bà Dương Hoài Trinh	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 28/10/2024
Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên	
Ông Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ - Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Trần Nghiêm Vũ

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được lập ngày 26 tháng 02 năm 2025, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Ngô Minh Quý**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2434-2023-002-1  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

**Phạm Văn Sang**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 3864-2025-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>224.600.631.095</b>	<b>197.175.028.420</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>29.528.607.541</b>	<b>25.757.327.962</b>
111	1. Tiền		19.528.607.541	25.305.581.012
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	451.746.950
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>328.425.400</b>	<b>7.788.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04	328.425.400	7.788.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>101.180.108.464</b>	<b>92.928.030.734</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	102.839.895.413	93.206.568.555
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	3.663.527.919	3.048.207.415
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	395.793.111	494.410.720
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.719.107.979)	(3.821.155.956)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>09</b>	<b>89.938.552.485</b>	<b>77.948.217.214</b>
141	1. Hàng tồn kho		89.938.552.485	77.948.217.214
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.624.937.205</b>	<b>533.664.510</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	225.971.776	69.064.294
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.398.965.429	464.600.216
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>84.485.765.858</b>	<b>93.434.531.107</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>50.000.000</b>	<b>-</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	50.000.000	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>56.082.667.487</b>	<b>64.855.828.758</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	56.082.667.487	64.855.828.758
222	- Nguyên giá		267.447.206.287	262.158.711.437
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(211.364.538.800)	(197.302.882.679)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>129.500.000</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		129.500.000	-
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>04</b>	<b>-</b>	<b>273.070.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.000.000.000	6.000.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	273.070.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>28.223.598.371</b>	<b>28.305.632.349</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	28.223.598.371	28.305.632.349
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>309.086.396.953</b>	<b>290.609.559.527</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		96.508.881.762	80.799.953.036
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		96.508.881.762	80.799.953.036
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	36.548.190.628	27.531.797.788
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	4.578.296.841	1.826.045.936
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	934.719.535	1.223.852.329
314	4. Phải trả người lao động		10.574.360.827	3.225.517.774
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	381.393.795	374.493.878
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.380.757.293	1.415.431.217
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	40.499.021.159	40.094.652.518
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.612.141.684	5.108.161.596
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		212.577.515.191	209.809.606.491
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	212.577.515.191	209.809.606.491
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		123.749.970.000	123.749.970.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		123.749.970.000	123.749.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		26.340.019.200	26.340.019.200
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		40.276.012.238	40.276.012.238
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.211.513.753	19.443.605.053
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		460.270.258	23.518.034
421b	LNST chưa phân phối năm nay		21.751.243.495	19.420.087.019
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>309.086.396.953</b>	<b>290.609.559.527</b>

Huỳnh Ngọc Sơn  
Người lập

Dương Hoài Trinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Nghiêm Vũ  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	419.309.644.591	332.278.418.317
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	255.352.441	35.214.885
10	<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>419.054.292.150</b>	<b>332.243.203.432</b>
11	<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	22	<b>336.437.697.102</b>	<b>260.259.532.802</b>
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>82.616.595.048</b>	<b>71.983.670.630</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.800.187.219	2.155.034.632
22	7. Chi phí tài chính	24	2.397.536.725	3.558.137.601
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.873.254.341	2.957.602.903
25	8. Chi phí bán hàng	25	41.847.748.075	34.872.268.125
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14.154.747.397	11.307.060.248
30	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>27.016.750.070</b>	<b>24.401.239.288</b>
31	11. Thu nhập khác	27	156.476.062	117.315.084
32	12. Chi phí khác	28	35.552.364	330.107.219
40	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>120.923.698</b>	<b>(212.792.135)</b>
50	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>27.137.673.768</b>	<b>24.188.447.153</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	5.386.430.273	4.768.360.134
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>21.751.243.495</b>	<b>19.420.087.019</b>
70	<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	30	<b>1.758</b>	<b>1.569</b>

Huỳnh Ngọc Sơn  
Người lập

Dương Hoài Trinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Nghiêm Vũ  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		27.137.673.768	24.188.447.153
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.971.109.793	14.603.547.005
03	- Các khoản dự phòng		1.897.952.023	691.641.318
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(358.378.477)	(281.549.585)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(87.843.774)	(137.555.756)
06	- Chi phí lãi vay		1.873.254.341	2.957.602.903
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		45.433.767.674	42.022.133.038
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(12.237.687.569)	3.228.328.590
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(11.990.335.271)	8.825.100.485
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		19.063.728.871	419.350.862
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(984.327.176)	(1.384.881.351)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.866.354.424)	(3.037.193.357)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.691.318.265)	(4.457.688.484)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.866.858.007)	(5.603.220.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		22.860.615.833	40.011.929.783
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.931.042.650)	(5.572.097.500)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(47.567.400)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	1.363.006.054
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		58.989.530	192.773.176
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.919.620.520)	(4.016.318.270)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		97.845.677.132	94.717.640.436
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(97.441.308.491)	(112.130.036.205)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.577.766.300)	(15.677.791.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.173.397.659)	(33.090.187.119)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.767.597.654	2.905.424.394

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		25.757.327.962	22.806.794.785
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.681.925	45.108.783
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	29.528.607.541	25.757.327.962

  
 Huỳnh Ngọc Sơn  
 Người lập

  
 Dương Hoài Trinh  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Trần Nghiêm Vũ  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

## 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103006483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301150295 ngày 08 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 123.749.970.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 123.749.970.000 VND; trong đó 12.374.997 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 231 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 205 người).

### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất băng tải cao su, dây courroie.

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ cao su: băng tải, dây courroie, dây trần bàn, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán sản phẩm cao su: băng tải, dây courroie, dây trần bàn, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm cao su

### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 87,03 tỷ VND, tương ứng với mức tăng 26,19% so với năm trước chủ yếu do doanh thu mảng băng tải và cao su kỹ thuật tăng mạnh. Bên cạnh đó, giá vốn hàng bán trong năm nay tăng 76,18 tỷ VND (tương ứng tăng 29,27%) so với năm trước, dẫn đến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm tăng 10,63 tỷ VND, tương ứng mức tăng 14,77%.

Bên cạnh đó, chi phí bán hàng tăng 6,98 tỷ VND, tương ứng với mức tăng 20% so với năm trước chủ yếu do tăng chi phí bao bì, đóng gói và chi phí xuất hàng phù hợp với tỷ lệ tăng của doanh thu trong năm. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 2,85 tỷ VND, tương ứng tăng 25,19% so với năm trước do tăng chi phí nhân viên.

Các biến động nêu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay đạt 21,75 tỷ VND, tăng 2,33 tỷ VND, đạt tỷ lệ tăng 12,00% so với năm trước.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

### 2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính; yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trọng quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

### 2.5 . Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

#### 2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### 2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

#### 2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	10 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 08 năm

#### 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### 2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 03 năm.

#### 2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### 2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

#### 2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn.

#### 2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại.

Các khoản hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

## 2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

## 2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	49.096.092	27.577.840
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.479.511.449	25.278.003.172
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	451.746.950
	<b>29.528.607.541</b>	<b>25.757.327.962</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 10 tỷ VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn với lãi suất 4,4%/năm.

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	328.425.400	-	7.788.000	-
<b>Đầu tư dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	273.070.000	-
	<b>328.425.400</b>	<b>-</b>	<b>280.858.000</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu với lãi suất từ 4,60%/năm đến 5,15%/năm.

### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SaDo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(6.000.000.000)
	<b>6.000.000.000</b>	<b>(6.000.000.000)</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>(6.000.000.000)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Thông tin chi tiết về đơn vị nhận đầu tư:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SaDo	Đồng Nai	1,88%	1,88%	Sản xuất chỉ sợi cao su

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>3.108.519.776</b>	-	<b>7.497.192.496</b>	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	3.108.519.776	-	7.497.192.496	-
<b>Bên khác</b>	<b>99.731.375.637</b>	<b>(5.719.107.979)</b>	<b>85.709.376.059</b>	<b>(3.821.155.956)</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Supply	11.633.124.631	-	3.146.973.764	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	8.451.541.940	(3.605.821.250)	8.676.853.140	(484.255.392)
Các đối tượng khác	79.646.709.066	(2.113.286.729)	73.885.549.155	(3.336.900.564)
	<b>102.839.895.413</b>	<b>(5.719.107.979)</b>	<b>93.206.568.555</b>	<b>(3.821.155.956)</b>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Suzhou Shanghan Textile Co., Ltd	1.164.222.831	-	383.182.785	-
Monocle Trading Ltd	936.479.240	-	-	-
Công ty TNHH Cơ khí Thanh Tâm	551.107.000	-	-	-
HL Group Ltd	410.151.526	-	-	-
Qingdao Xiangjie Rubber Machinery Co., Ltd	-	-	822.581.200	-
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại - Xây dựng Kim Loan	-	-	326.095.000	-
Các đối tượng khác	601.567.322	-	1.516.348.430	-
	<b>3.663.527.919</b>	-	<b>3.048.207.415</b>	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi	29.964.964	-	1.110.720	-
Tạm ứng	334.768.096	-	490.300.000	-
Ký cược, ký quỹ	26.500.000	-	3.000.000	-
Phải thu khác	4.560.051	-	-	-
	<b>395.793.111</b>	-	<b>494.410.720</b>	-
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	-	-
	<b>50.000.000</b>	-	-	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	8.451.541.940	4.845.720.690	1.614.184.640	1.129.929.248
Công ty Cổ phần Thép Pomina	1.723.820.000	517.146.000	1.803.820.000	901.910.000
Các khoản khác	1.886.212.015	979.599.286	6.941.825.488	4.506.834.924
	<b>12.061.573.955</b>	<b>6.342.465.976</b>	<b>10.359.830.128</b>	<b>6.538.674.172</b>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	2.279.377.286	-
Nguyên liệu, vật liệu	47.431.027.587	-	41.430.960.595	-
Công cụ, dụng cụ	556.393.402	-	450.687.547	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.210.636.901	-	3.508.689.132	-
Thành phẩm	25.210.876.244	-	22.475.533.403	-
Hàng hoá	2.574.744.515	-	1.113.023.375	-
Hàng gửi đi bán	6.954.873.836	-	6.689.945.876	-
	<b>89.938.552.485</b>	-	<b>77.948.217.214</b>	-

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	37.854.436.217	208.451.670.808	15.503.670.847	348.933.565	262.158.711.437
- Mua trong năm	-	5.288.494.850	-	-	5.288.494.850
Số dư cuối năm	<u>37.854.436.217</u>	<u>213.740.165.658</u>	<u>15.503.670.847</u>	<u>348.933.565</u>	<u>267.447.206.287</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	23.786.317.629	162.024.935.391	11.228.022.080	263.607.579	197.302.882.679
- Khấu hao trong năm	1.509.851.384	11.657.363.465	869.916.380	24.524.892	14.061.656.121
Số dư cuối năm	<u>25.296.169.013</u>	<u>173.682.298.856</u>	<u>12.097.938.460</u>	<u>288.132.471</u>	<u>211.364.538.800</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	14.068.118.588	46.426.735.417	4.275.648.767	85.325.986	64.855.828.758
Tại ngày cuối năm	<u>12.558.267.204</u>	<u>40.057.866.802</u>	<u>3.405.732.387</u>	<u>60.801.094</u>	<u>56.082.667.487</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 15.913.496.589 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 99.954.490.987 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	23.862.187	24.676.294
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	202.109.589	44.388.000
	<u>225.971.776</u>	<u>69.064.294</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.889.143.880	3.701.191.560
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi (*)	21.826.888.134	22.736.341.806
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	2.507.566.357	1.868.098.983
	<u>28.223.598.371</u>	<u>28.305.632.349</u>

(\*) Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, xã Trung Lập, huyện Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng từ năm 2019 đến năm 2048 với diện tích khu đất thuê là 18.185,8 m2. Công ty đã trả toàn bộ tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê với tổng số tiền là 27.018.352.845 VND.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Công ty TNHH Hóa chất Kiều Thoại	8.001.545.500	8.001.545.500	9.789.992.500	9.789.992.500
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại TTH	3.598.604.755	3.598.604.755	751.295.448	751.295.448
Công ty TNHH Đầu tư Fine Chemicals	1.814.945.000	1.814.945.000	-	-
Các đối tượng khác	23.133.095.373	23.133.095.373	16.990.509.840	16.990.509.840
	<u>36.548.190.628</u>	<u>36.548.190.628</u>	<u>27.531.797.788</u>	<u>27.531.797.788</u>

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Jiangxi Rasson Billiard Manufacturing Co., Ltd	3.920.581.441	806.425.875
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Thọ Tiến Minh	-	400.000.000
Truckpro Inc	-	364.157.441
Các đối tượng khác	657.715.400	255.462.620
	<u>4.578.296.841</u>	<u>1.826.045.936</u>



14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	8.677.223.267	8.677.223.267	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	565.081.052	565.081.052	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.204.773.401	5.386.430.273	5.691.318.265	899.885.409
Thuế Thu nhập cá nhân	19.078.928	620.878.796	605.123.598	34.834.126
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	482.119.680	482.119.680	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	<b>1.223.852.329</b>	<b>15.735.733.068</b>	<b>16.024.865.862</b>	<b>934.719.535</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	133.833.329	126.933.412
Chi phí phải trả khác	247.560.466	247.560.466
	<b>381.393.795</b>	<b>374.493.878</b>

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	99.914.493	79.952.902
Bảo hiểm xã hội	-	339.753.167
Bảo hiểm y tế	-	59.956.441
Bảo hiểm thất nghiệp	-	26.647.307
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	938.734.300	904.003.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác	342.108.500	5.117.500
	<b>1.380.757.293</b>	<b>1.415.431.217</b>

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành  
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

17 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Nam Sài Gòn	40.094.652.518	40.094.652.518	97.845.677.132	97.441.308.491
	<b>40.094.652.518</b>	<b>40.094.652.518</b>	<b>97.845.677.132</b>	<b>97.441.308.491</b>
				<b>40.499.021.159</b>
				<b>40.499.021.159</b>

Thông tin chi tiết về khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 01/2024/62647/HĐTD ngày 22/07/2024 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: Tối đa 70.000.000.000 VND và ngoại tệ quy đổi trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/62647 ngày 17/07/2023 sang;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này;
- Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 40.499.021.159 VND;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm là Máy móc thiết bị theo Danh mục tài sản thế chấp đi kèm Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐTC-62647 ngày 21/06/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/HĐTC-62647 ngày 30/09/2017.

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>123.749.970.000</b>	<b>26.340.019.200</b>	<b>40.276.012.238</b>	<b>19.931.933.672</b>	<b>210.297.935.110</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	19.420.087.019	19.420.087.019
Chi trả cổ tức năm 2022	-	-	-	(15.468.746.250)	(15.468.746.250)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.439.669.388)	(4.439.669.388)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>123.749.970.000</b>	<b>26.340.019.200</b>	<b>40.276.012.238</b>	<b>19.443.605.053</b>	<b>209.809.606.491</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>123.749.970.000</b>	<b>26.340.019.200</b>	<b>40.276.012.238</b>	<b>19.443.605.053</b>	<b>209.809.606.491</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	21.751.243.495	21.751.243.495
Chia cổ tức năm 2023 (*)	-	-	-	(13.612.496.700)	(13.612.496.700)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(5.250.838.095)	(5.250.838.095)
Quỹ khen thưởng HDQT, BĐH (*)	-	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>123.749.970.000</b>	<b>26.340.019.200</b>	<b>40.276.012.238</b>	<b>22.211.513.753</b>	<b>212.577.515.191</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 522/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận để lại của các năm trước		23.518.034
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2023		19.420.087.019
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00	19.443.605.053
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27,01	5.250.838.095
Quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban Điều hành	0,62	120.000.000
Chi trả cổ tức (11% vốn điều lệ)	70,01	13.612.496.700
Lợi nhuận chưa phân phối	2,36	460.270.258

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	48,85	60.456.580.000	48,85
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	19,86	24.575.780.000	19,86	24.575.780.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	18,67	23.100.000.000	18,67	23.100.000.000
Các cổ đông khác	12,62	15.617.610.000	12,62	15.617.610.000
	<b>100</b>	<b>123.749.970.000</b>	<b>100</b>	<b>123.749.970.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2024		Năm 2023	
	VND		VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
- Vốn góp đầu năm		123.749.970.000		123.749.970.000
- Vốn góp cuối năm		123.749.970.000		123.749.970.000
Cổ tức, lợi nhuận				
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm		904.003.900		1.113.049.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm		13.612.496.700		15.468.746.250
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước		13.612.496.700		15.468.746.250
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền		(13.577.766.300)		(15.677.791.350)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước		(13.577.766.300)		(15.677.791.350)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm		<b>938.734.300</b>		<b>904.003.900</b>

d) Cổ phiếu	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		12.374.997		12.374.997
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		12.374.997		12.374.997
- Cổ phiếu phổ thông		12.374.997		12.374.997
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		12.374.997		12.374.997
- Cổ phiếu phổ thông		12.374.997		12.374.997
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần				

e) Các quỹ công ty	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
Quỹ đầu tư phát triển		40.276.012.238		40.276.012.238
		<b>40.276.012.238</b>		<b>40.276.012.238</b>

**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất sau:

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm văn phòng từ năm 1996 đến năm 2046. Diện tích khu đất thuê là 354 m2. Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định của Nhà nước.
- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Trung Lập, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích xây dựng nhà xưởng từ năm 2019 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 18.185,8 m2 và Công ty đã trả toàn bộ tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê (Xem thêm tại Thuyết minh số 11).

b) Ngoại tệ các loại		31/12/2024	01/01/2024
	Đồng đô la Mỹ (USD)	389.774,56	641.712,21
	Đồng Yên Nhật (JPY)	6.360.850,00	18.306.137,00
<b>20</b>	<b>TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
	Doanh thu bán thành phẩm	374.507.375.916	309.778.815.170
	Doanh thu bán hàng hóa	38.615.370.251	17.457.670.509
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.186.898.424	5.041.932.638
		<b>419.309.644.591</b>	<b>332.278.418.317</b>
	<b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	<b>17.619.413.500</b>	<b>25.703.537.500</b>
<b>21</b>	<b>CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
	Chiết khấu thương mại	77.185.821	35.214.885
	Hàng bán bị trả lại	178.166.620	-
		<b>255.352.441</b>	<b>35.214.885</b>
<b>22</b>	<b>GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
	Giá vốn của thành phẩm đã bán	303.103.636.035	243.995.716.236
	Giá vốn của hàng hóa đã bán	32.888.761.026	15.618.011.566
	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	445.300.041	645.805.000
		<b>336.437.697.102</b>	<b>260.259.532.802</b>
	<b>Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	<b>28.112.392.000</b>	<b>22.028.786.000</b>
<b>23</b>	<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
	Lãi tiền gửi	87.843.774	137.555.756
	Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.353.964.968	1.735.929.291
	Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	358.378.477	281.549.585
		<b>2.800.187.219</b>	<b>2.155.034.632</b>

<b>24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
	Lãi tiền vay	1.873.254.341	2.957.602.903
	Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	524.282.384	600.534.698
		<b>2.397.536.725</b>	<b>3.558.137.601</b>
<b>25</b>	<b>CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.999.517.330	3.411.865.618
	Chi phí nhân công	9.477.496.516	7.159.849.846
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.163.632	51.163.632
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.617.407.329	23.948.612.724
	Chi phí khác bằng tiền	1.131.660.557	161.115.926
	Chi phí bảo hành	570.502.711	139.660.379
		<b>41.847.748.075</b>	<b>34.872.268.125</b>
<b>26</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	504.494.656	685.237.315
	Chi phí nhân công	7.688.335.344	6.636.476.404
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	295.682.316	288.593.035
	Chi phí dự phòng	1.897.952.023	691.641.318
	Thuế, phí, và lệ phí	517.171.417	89.844.250
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.382.471.788	1.977.848.611
	Chi phí khác bằng tiền	868.639.853	937.419.315
		<b>14.154.747.397</b>	<b>11.307.060.248</b>
<b>27</b>	<b>THU NHẬP KHÁC</b>	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
	Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ, phế liệu	35.572.389	24.000.000
	Thu nhập khác	120.903.673	93.315.084
		<b>156.476.062</b>	<b>117.315.084</b>
<b>28</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
	Các khoản bị phạt	-	188.397.611
	Chi phí khác	35.552.364	141.709.608
		<b>35.552.364</b>	<b>330.107.219</b>

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	27.137.673.768	24.188.447.153
Các khoản điều chỉnh tăng	544.964.873	444.713.888
- Chi phí không hợp lệ	68.172.258	240.713.888
- Hoàn nhập lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục nợ phải thu, tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối năm trước	282.792.615	-
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	194.000.000	204.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(750.487.278)	(791.360.370)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục nợ phải thu, tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối năm	(358.487.278)	(282.792.615)
- Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục nợ phải thu, tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối năm trước	-	(312.567.755)
- Các khoản khác	(392.000.000)	(196.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	26.932.151.363	23.841.800.671
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>5.386.430.273</b>	<b>4.768.360.134</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.204.773.401	894.101.751
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(5.691.318.265)	(4.457.688.484)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>899.885.409</b>	<b>1.204.773.401</b>

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	21.751.243.495	19.420.087.019
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	21.751.243.495	19.420.087.019
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.374.997	12.374.997
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.758</b>	<b>1.569</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	244.455.798.817	187.883.724.833
Chi phí nhân công	58.120.280.835	41.457.672.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.971.109.793	14.603.547.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.108.725.332	393.088.926.842
Chi phí khác bằng tiền	5.636.759.301	2.570.142.913
<b>366.292.674.078</b>	<b>639.604.014.429</b>	

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.479.511.449	-	-	29.479.511.449
Phải thu khách hàng, phải thu khác	97.516.580.545	50.000.000	-	97.566.580.545
Các khoản cho vay	328.425.400	-	-	328.425.400
	<b>127.324.517.394</b>	<b>50.000.000</b>	<b>-</b>	<b>127.374.517.394</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.729.750.122	-	-	25.729.750.122
Phải thu khách hàng, phải thu khác	89.879.823.319	-	-	89.879.823.319
Các khoản cho vay	7.788.000	273.070.000	-	280.858.000
	<b>115.617.361.441</b>	<b>273.070.000</b>	<b>-</b>	<b>115.890.431.441</b>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Vay	40.499.021.159	-	-	40.499.021.159
Phải trả người bán, phải trả khác	37.928.947.921	-	-	37.928.947.921
Chi phí phải trả	381.393.795	-	-	381.393.795
	<b>78.809.362.875</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>78.809.362.875</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Vay	40.094.652.518	-	-	40.094.652.518
Phải trả người bán, phải trả khác	28.947.229.005	-	-	28.947.229.005
Chi phí phải trả	374.493.878	-	-	374.493.878
	<b>69.416.375.401</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>69.416.375.401</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 33 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) <b>Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	97.845.677.132	94.717.640.436
b) <b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	97.441.308.491	112.130.036.205

### 34 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 35 BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### a) Theo lĩnh vực kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh bằng tài cao su, dây courroic, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

#### b) Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	305.861.358.722	113.192.933.428	419.054.292.150
Tổng chi phí mua TSCĐ			5.417.994.850
Tài sản bộ phận	102.839.895.413	12.869.976.070	115.709.871.483
Tài sản không phân bổ			193.376.525.470

### 36 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Cổ đông lớn
Công ty CP Cao su Bà Rịa	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Cao su Đồng Phú	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Cao su Hòa Bình	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Cao su Phước Hòa	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Cao su Tân Biên	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Cao su Tây Ninh	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Gỗ MDF VRG Quảng Trị	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao su EA HLEO	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Long	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Cao su Sa Thầy	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	Cùng Tập đoàn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>17.619.413.500</b>	<b>25.703.537.500</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	14.863.944.500	24.161.348.500
Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Long	265.056.000	-
Công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh	81.180.000	-
Công ty CP Cao su Hòa Bình	16.434.000	-
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	59.862.000	-
Công ty CP Cao su Sa Thầy	119.724.000	-
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	826.419.000	-
Công ty CP Gỗ MDF VRG Quảng Trị	225.090.000	-
Công ty CP Cao su Bà Rịa	48.708.000	48.708.000
Công ty CP Cao su Đồng Phú	-	317.592.000
Công ty CP Cao su Phước Hòa	188.562.000	237.468.000
Công ty CP Cao su Tân Biên	53.790.000	53.988.000
Công ty CP Cao su Tây Ninh	134.970.000	134.970.000
Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	99.500.000	198.000.000
Công ty TNHH MTV Cao su EA HLEO	146.124.000	146.124.000
Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	243.540.000	227.304.000
Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	246.510.000	178.035.000
<b>Mua hàng hóa, vật tư</b>	<b>28.112.392.000</b>	<b>22.028.786.000</b>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	28.112.392.000	22.028.786.000

Giao dịch với các bên liên quan: (Tiếp theo)

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>Chia cổ tức</b>	<b>11.894.559.600</b>	<b>13.516.545.000</b>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	6.650.223.800	7.557.072.500
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	2.703.335.800	3.071.972.500
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	2.541.000.000	2.887.500.000
<b>Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt</b>	<b>2.596.000.000</b>	<b>2.322.000.000</b>
<b>Ông Nguyễn Minh Đoan</b>	<b>120.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Chức vụ</b>	<b>Chủ tịch HĐQT</b>	
	<i>(Bỏ nhiệm ngày 28/10/2024)</i>	
<b>Ông Nguyễn Việt Hà</b>	<b>48.000.000</b>	<b>48.000.000</b>
<b>Ông Văn Trọng Long</b>	<b>48.000.000</b>	<b>48.000.000</b>
<b>Ông Nguyễn Nho Lương</b>	<b>25.333.000</b>	<b>-</b>
	<i>(Bỏ nhiệm ngày 20/06/2024)</i>	
<b>Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ</b>	<b>733.000.000</b>	<b>708.000.000</b>
<b>Ông Huỳnh Anh Tuấn</b>	<b>524.000.000</b>	<b>504.000.000</b>
<b>Ông Huỳnh Văn Thê</b>	<b>114.000.000</b>	<b>-</b>
	<i>(Bỏ nhiệm ngày 01/10/2024)</i>	
<b>Ông Nguyễn Quốc Vương</b>	<b>49.000.000</b>	<b>-</b>
	<i>(Bỏ nhiệm ngày 28/10/2024)</i>	
<b>Bà Lương Thị Ánh Nguyệt</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
<b>Ông Trần Nguyễn Huy Hùng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
<b>Bà Dương Hoài Trinh</b>	<b>74.000.000</b>	<b>-</b>
	<i>(Bỏ nhiệm ngày 28/10/2024)</i>	
<b>Ông Diệp Xuân Trường</b>	<b>50.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
	<i>(Miễn nhiệm ngày 28/10/2024)</i>	
<b>Ông Nguyễn Thanh Phúc</b>	<b>22.667.000</b>	<b>48.000.000</b>
	<i>(Miễn nhiệm ngày 20/06/2024)</i>	
<b>Bà Dương Hoài Trinh</b>	<b>349.000.000</b>	<b>408.000.000</b>
	<i>(Miễn nhiệm ngày 28/10/2024)</i>	
<b>Ông Huỳnh Ngọc Sơn</b>	<b>349.000.000</b>	<b>408.000.000</b>
	<i>(Miễn nhiệm ngày 28/10/2024)</i>	
<b>Bà Nguyễn Thị Thao</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
	<i>(Thư ký HĐQT)</i>	

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

### 37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

  
 Huỳnh Ngọc Sơn  
 Người lập

  
 Dương Hoài Trinh  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Trần Nghiêm Vũ  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH



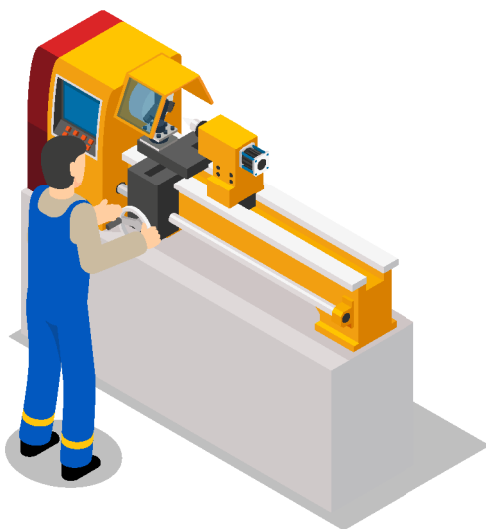
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025  
 XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN TRẦN NGHIÊM VŨ



# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH



Lô B3-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi – đường Giáp Hải  
(D3) – xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.



[www.berubco.com.vn](http://www.berubco.com.vn)



(028) 3790 7619



(028) 3790 7461